|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ngày soạn: …………… | Ngày dạy: …………… | Lớp: ……….. Tiết: …… |

**Tiết 55: Hình hộp chữ nhật (T1)**

**I. MỤC TIÊU**

Qua bài này giúp học sinh:

**1. Kiến thức:**

**-** HS nắm chắc các yếu tố của hình hộp chữ nhật; biết xác định số đỉnh, số mặt, số cạnh của một hình hộp chữ nhật

- Bước đầu nhắc lại về khái niệm chiều cao.

- Làm quen với các khái niệm điểm, đường thẳng, đoạn thẳng trong không gian, cách ký hiệu.

**2. Kỹ năng:**

- Biết xác định số mặt, số đỉnh, số cạnh của hình hộp chữ nhật.

- Rèn kỹ năng nhận biết hình hộp chữ nhật trong thực tế.

**3. Thái độ:**

- Có thái độ nghiêm túc, chú ý, cẩn thận trong quá trình trình bày; Yêu thích môn học.

**4. Định hướng năng lực, phẩm chất**

***- Năng lực:*** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực ngôn ngữ, năng lực tự học.

***- Phẩm chất:*** Tự tin, tự chủ.

**II. CHUẨN BỊ**

1. Giáo viên: Phấn màu, bảng phụ, thước thẳng, SGK, SBT

2. Học sinh: Đồ dùng học tập, đọc trước bài.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

1. Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số. (**1 phút**)

2. Nội dung:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung** |
| **A. Hoạt động khởi động (5 phút)**  ***Mục tiêu: HS có các đồ dùng học tập cần thiết phục vụ cho môn học và biết về nội dung chương IV***  ***Phương pháp: Thuyết trình, trực quan*** | | |
| - Kiểm tra đồ dùng học tập của học sinh  - Giới thiệu nội dung chương IV. Ở Tiểu học chúng ta đã làm quen với một số hình không gian như hình hộp chữ nhật, hình lập phương, đồng thời trong cuộc sống hàng ngày ta thường gặp nhiều hình không gian như hình lăng trụ, hình chóp, hình trụ, hình cầu (giáo viên vừa nói vừa chỉ vào mô hình). Đó là những hình mà các điểm của chúng không nằm trong 1 mặt phẳng. Chương IV chúng ta sẽ được học về hình lăng trị đứng, hình chóp đều. Thông qua đó ta sẽ hiểu được một số khái niệm cơ bản của hình học không gian. Hôm nay ta sẽ được học một hình không gian quen thuộc đó là hình hộp chữ nhật. | - HS lắng nghe, ghi chép ( nếu cần)  - HS lấy sách vở, bút ghi chép bài |  |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức.**  **Hoạt động 1: Hình hộp chữ nhật (15 phút)**  ***Mục tiêu***: HS Biết xác định số mặt, số đỉnh, số cạnh của hình hộp chữ nhật.  ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, vấn đáp, trực quan | | |
| Giáo viên đưa ra hình hộp chữ nhật bằng nhựa trong và giới thiệu mặt của hình chữ nhật, đỉnh, cạnh của hình chữ nhật rồi đưa ra các câu hỏi:  NV1: - Một hình hộp chữ nhật có mấy mặt, các mặt là những hình gì?  NV2: Một hình hộp chữ nhật có mấy đỉnh, mấy cạnh?  Sau đó giáo viên giới thiệu: mặt đối diện hay mặt đáy và các mặt bên.  Tiếp theo, GV đưa ra mô hình hình lập phương và hỏi:  - NV1: Hình lập phương có 6 mặt là hình gì?  - NV2: Tại sao hình lập phương là hình hộp chữ nhật?  - Tiếp theo, GV yêu cầu học sinh lấy ví dụ các hình ảnh trong thực tế có dạng hình hộp chữ nhật, hình lập phương và chỉ ra mặt, đỉnh, cạnh... | - Có 6 mặt, mỗi mặt đều là hình chữ nhật.  - Có 8 đỉnh và 12 cạnh  - HS lắng nghe, tiếp thu kiến thức mới.  - Đều là hình vuông  - Vì hình vuông cũng là hình chữ nhật nên hình lập phương cũng là hình hộp chữ nhật.  - HS đứng tại chỗ lấy ví dụ. | **1. Hình hộp chữ nhật**  + Hình hộp chữ nhật có: 6 mặt, 8 đỉnh, 12 cạnh (6 mặt là những hình chữ nhật).  + Hai mặt không có cạnh chung là hai mặt đáy, các mặt còn lại là mặt bên.  Hình lập phương là hình hộp chữ nhật có 6 mặt là những hình vuông.  - Ví dụ: Bể nuôi cá cảnh, bao diêm,...có dạng hình hộp chữ nhật. |
| **Hoạt động 2: Mặt phẳng và đường thẳng (15 phút)**  ***Mục tiêu: HS hiểu được mặt phẳng và đường thẳng***  ***Phương pháp: Nêu vấn đề, thuyết trình, vấn đáp, trực quan*** | | |
| Giáo viên vẽ hình hộp chữ nhật ABCD.A’B’C’D’ trên bảng và hướng dẫn học sinh vẽ hình  +Vẽ hình chữ nhật ABCD nhìn hình phối cảnh thành hình bình hành ABCD.  + Vẽ hình chữ nhật AA’D’D  + Vẽ CC’ song song và bằng DD’. Nối C’D’  + Vẽ các nét khuất BB’(song song và bằng AA’), A’B’, B’C’  Giáo viên đặt hình hộp chữ nhật chữ nhật lên bàn: yêu cầu học sinh xác định 2 đáy của hình hộp và chỉ ra chiều cao tường ứng, sau đó giáo viên cho thay đổi 2 đáy và xác định chiều cao tương ứng  Giáo viên giới thiệu: điểm, đoạn thẳng, mặt phẳng như SGK T96.  Giáo viên lưu ý học sinh: trong không gian đường thẳng kéo dài vô tận về hai phía, mặt phẳng trải rộng về mọi phía  - Em hãy tìm hình ảnh của mặt phẳng, của đường thẳng? | - HS vẽ hình dưới sự hướng dẫn của GV  - HS quan sát hình ảnh và trả lời  - HS lắng nghe, lĩnh hội kiến thức    - Hình ảnh của mặt phẳng: trần nhà, sàn nhà, mặt bàn  - Hình ảnh của đường thẳng: đường mép bảng, đường giao giữa 2 bức tường. | **2. Mặt phẳng và đường thẳng**  Hình hộp chữ nhật ABCD.A’B’C’D’  - Các đỉnh: A, B, C, ... là những điểm.  - Các cạnh: AB, BC, ... là những đoạn thẳng.  - Mỗi mặt ABCD, A’B’C’D’, ... là một phần của mặt phẳng.  AA’: chiều cao của hình hộp chữ nhật.  ` |
| **C. Hoạt động luyện tập ( 7 phút)**  Mục tiêu: HS vận dụng linh hoạt kiến thức đã học vào làm bài tập  PP: Nêu vấn đề, vấn đáp | | |
| Giáo viên đưa đề bài và hình vẽ lên bảng phụ sau đó yêu cầu trả lời từng câu hỏi và giải thích | - HS trả lời và giải thích. | **Bài 2/96**  a. Vì tứ giác *CBB1C1* là hình chữ nhật nên *O* là trung điểm của *CB1* thì *O* cũng là trung điểm của *BC1* (tính chất đường chéo hình chữ nhật)  b. *K* là điểm thuộc *CO* thì *K* không thể là điểm thuộc *BB1* |
| **D. Hoạt động tìm tòi, mở rộng ( 2 phút)**  ***Mục tiêu:*** Học sinh chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học  ***Phương pháp***: Ghi chép | | |
| Bài tập về nhà:  Bài 1 SGK trang 96  Bài 2, 3, 4 SBT  Về nhà đọc lại kiến thức bài học trong SGK. Chuẩn bị tiết sau học: Hình hộp chữ nhật ( tiếp) | HS ghi chép nội dung yêu cầu |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ngày soạn: …………… | Ngày dạy: …………… | Lớp: ……….. Tiết: …… |

**Tiết 56 - §2. HÌNH HỘP CHỮ NHẬT (TT)**

1. **MỤC TIÊU**

Qua bài này giúp học sinh:

1. **Kiến thức:**

a/ Nhận biết:

Qua mô hình một dấu hiệu về hai đường thẳng song song

Bằng hình ảnh cụ thể học sinh bước đầu nắm được dấu hiệu đường thẳng song song với mặt phẳng và hai mặt phẳng song song.

b/ Thông hiểu: Đối chiếu, so sánh về sự giống nhau, khác nhau về quan hệ song song giữa đường và mặt – mặt và mặt.

c/ Vận dụng: Công thức tính diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật.

1. **Kĩ năng:** Rèn luyện kỹ năng nhận biết hình hộp chữ nhật trong thực tế.
2. **Thái độ:** Giáo dục cho học sinh tính thực tế của các khái niệm toán học.
3. **Định hướng năng lực phẩm chất**

* ***Năng lực:*** *Năng lực phán đoán, năng lực tự giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực giao tiếp.*
* ***Phẩm chất:*** *Tự tin, chủ động.*

1. **CHUẨN BỊ**
2. Giáo viên: Mô hình hộp CN, hình hộp lập phương, một số vật dụng hàng ngày có dạng hình hộp chữ nhật, file chiếu mô phỏng hình hộp chữ nhật.
3. Học sinh: Đồ dùng học tập, đọc trước bài, bảng nhóm.
4. **TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**
5. Ổn định lớp: Kiểm tra sỉ số. (1phút).
6. Kiểm tra bài cũ: (5 phút).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Đáp án** | **Điểm** |
| Cho hình hộp chữ nhật ABCD.A’B’C’D’.   * Hình hộp chữ nhật đó có mấy mặt? Các mặt là hình gì? Kể tên một vài mặt? * Hình hộp chữ nhật có mấy đỉnh? Mấy cạnh? * AA’ và BB’ có cùng nằm trên một mặt phẳng không? Chúng có điểm chung không? * CD và AD có cùng nằm trên một mặt phẳng không? Chúng có điểm chung không? | * Có 6 mặt. Các mặt là hình chữ nhật. Ví dụ: ABCD – ABB’A’… * Có 8 đỉnh – 12 cạnh. * AA’ và BB’ có nằm trên một mặt phẳng (ABB’A’). * Không có điểm chung. * CD và AD có nằm trên một mặt phẳng. Chúng có điểm chung là điểm D. | 2  1  2  2  2 |

Gv có thể hỏi thêm câu hỏi phụ:

Ví dụ: Nêu tính chất từ vuông góc đến song song của các đường thẳng trong mặt phẳng.

Chỉ ra trong thực tế hình ảnh của hai đường thẳng cắt nhau trong mặt phẳng, hai đường thẳng song song trong mặt phẳng.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | | **Hoạt động của học sinh** | | **Nội dung** |
| 1. **Hoạt động khởi động. (3 phút).**   **Mục tiêu:** Tạo hứng thú, động cơ để cho học sinh phát hiện kiến thức, tiếp nhận bài mới.  **Phương pháp:** Thuyết trình, mô tả trực quan.  **Sản phẩm:** Hs nêu được thế nào là: Hai đường thẳng song song – Hai đường thẳng cắt nhau trong mặt phẳng. | | | | |
| GV: Ở bài học trước chúng ta đã tìm hiểu về hình hộp chữ nhật: Số mặt – số cạnh – số đỉnh. Xa hơn một chút ta đã học về các vị trí có thể xảy ra khi cho hai đường thẳng phân biệt trong mặt phẳng. Vậy em hãy nhắc lại thế nào là hai đường thẳng song song? Thế nào là hai đường thẳng cắt nhau trong mp?  GV: Như vậy nếu trong không gian cho hai đường thẳng phân biệt thì vị trí của chúng xảy ra còn giống như trong mặt phẳng không? Và các khái niệm song song – cắt nhau có thể mở rộng ra cho mặt phẳng không? Để trả lời câu hỏi đó ta vào bài học hôm nay: **Tiết 56. Bài 2: HÌNH HỘP CHỮ NHẬT (tt).** | | HS:  Trong mp:   * Hai đường thẳng phân biệt không có điểm chung được gọi là hai đường thẳng song song. * Hai đường thẳng phân biệt có 1 điểm chung gọi là hai đường thẳng cắt nhau.   HS: Lấy sách vở, bút thước ghi chép bài. | |  |
| 1. **Hoạt động hình thành kiến thức (30 phút)**   **Hoạt động 1: Hai đường thẳng song song trong không gian (15 phút)**  **Mục tiêu:** HS hiểu được thế nào là hai đường thẳng song song trong không gian.  **Phương pháp:** Trực quan sinh động, Vấn đáp. Giải quyết vấn đề.  **Sản phẩm**: HS nhận biết được hai đường thẳng song song trong không gian. | | | | |
| * GV: Đưa ra hình ảnh hộp sữa trong thực tế, có hình vẽ mô phỏng kèm theo. (GV chiếu hình vẽ lên màn hình Tivi hoặc màn chiếu). | HS quan sát, lắng nghe. | | 1. **Hai đường thẳng song song trong không gian.** | |
|  | | | | |
| * Gv: Quan sát hình vẽ và trả lời:  1. AD và A’D’ có cùng nằm trên 1 mp không? Nếu có hãy kể tên mp đó? 2. AD và A’D’ có điểm chung không?   Gv: Hai đt AD và A’D’ nằm trên một mp như trên gọi là hai đt song song.  Gv: Vậy theo em thế nào là hai đường thẳng song song trong không gian.  GV chốt lại và ghi bảng.   * GV: Cũng hai câu hỏi trên cho 2 đường thẳng CB và CC’?   Gv: Ta gọi hai đường thẳng đó là hai đường thẳng cắt nhau.  Gv: Vậy theo em thế nào là hai đường thẳng cắt nhau trong không gian.   * Gv: Hai câu hỏi trên cho 2 đường thẳng AD và D’C’?   Gv: Ta gọi hai đường thẳng đó là hai đường thẳng chéo nhau.  Gv yêu cầu hs cho ví dụ về những hình ảnh thực tế về mặt phẳng trong không gian . | HS trả lời:   1. Có. Mặt phẳng (ADD’A’). 2. Không có điểm chung.   Hs phát biểu theo ý hiểu.  HS: ghi bài.  TL:   1. Có. Mp(BB’C’C). 2. Có 1 điểm chung là điểm C.   HS: trả lời theo ý hiểu.   1. Không 2. Không có điểm chug.   HS: trả lời theo ý hiểu.  HS cho ví dụ: | | * Trong không gian: | |
| * Trong không gian: với hai đường thẳng phân biệt a, b chúng có thể: | | | | |
| GV: Cũng hình lập phương ở trên, kiểm tra vị trí các cặp đường thẳng sau:  AB và DC; DC và D’C’; AB và D’C’.  Rút ra nhận xét? | Nếu hai đường thẳng cùng song song với một đường thẳng thứ 3 thì chúng song song với nhau. | | Ứng dụng:  Trong xây dựng người ta thường dùng dây rọi để kiểm tra sự song song của hai mép tường. | |
|  | | | | |
| **Hoạt động 2: Đường thẳng song song với mặt phẳng. Hai mặt phẳng song song. (15 phút).**  **Mục tiêu:** HS hiểu được thế nào là đường thẳng song song với mặt phẳng. Hai mp song song.  **Phương pháp:** Trực quan sinh động, Vấn đáp. Giải quyết vấn đề.  **Sản phẩm**: HS nhận biết được khi nào thì đường thẳng song song với mặt phẳng. Khi nào thì hai mp song song. | | | | |
| Gv: Em hãy dùng hai cây thước thẳng: cây thứ nhất đặt trên bàn, cây thứ 2 đặt song song với cây thước thứ nhất. Nêu nhận xét về cây thước thứ 2 và mặt bàn?  Theo em, đường thẳng a song song với mặt phẳng (P) khi nào?  Gv: chốt lại ý và ghi bảng.  GV: Em hãy chỉ ra vài hình ảnh đường thẳng song song với mặt phẳng trong thực tế.  Gv cho ví dụ:  Căn phòng học là hình hộp chữ nhật ABCD.A’B’C’D’. Xét hai mp (ABCD) và (A’B’C’D’). Kiểm tra vị trí:   1. AB và AD trong mp(ABCD). 2. A’B’ và A’D’ trong (A’B’C’D’). 3. AB với A’B’. AD với A’D’.   Có kết luận gì về (ABCD) và (A’B’C’D’).  GV: em hãy chỉ ra một vài hình ảnh thực tế thể hiện hai mặt phẳng song song.  GV nêu ra nhận xét. | HS thực hiện  TL: Cây thước thứ 2 song song với mặt bàn.  HS trả lời theo ý hiểu. (không có điểm chung – song song).  Hs cho ví dụ.  TL:   1. AB cắt AD 2. A’B’ cắt A’D’     Kết luận:  (ABCD)//(A’B’C’D’).  HS: lấy ví dụ.  Hs: ghi bài. | | 1. **Đường thẳng song song với mặt phẳng. Hai mặt phẳng song song.** 2. Đường thẳng song song với mặt phẳng       Ví dụ:  Các bóng tuýp điện dài trên trần nhà song song với nền nhà.  Sợi dây phơi đồ song song với mặt đất. (Giả sử mặt đất bằng phẳng)…   1. Hai mặt phẳng song song.   Hai đường thẳng cắt nhau trong mp này lần lượt song song với hai đường thẳng cắt nhau trong mp kia thì hai mp đó song song với nhau.   |  |  | | --- | --- | | GT | a và b thuộc mp(P).  a’ và b’ thuộc mp(Q).    a//a’; b//b’. | | KL | mp(P) // mp(Q). |     Ví dụ:  Mặt bàn và mặt ghế  Hai bức tường đối diện trong 1 căn phòng…  Nhận xét: SGK tr 99. | |
| 1. **Hoạt động luyện tập. (5 phút)**   **Mục tiêu:** Củng cố hai đường thẳng song song trong không gian. Đường thẳng vuông góc với mặt phẳng. Hai mặt phẳng song song.  **Phương pháp**: Làm nhóm.Thuyết trình.  **Sản phẩm**: HS nhận biết và giải thích được các hình ảnh về hai đường thẳng song song trong không gian. Đường thẳng vuông góc với mặt phẳng. Hai mặt phẳng song song. | | | | |
| Gv: Chiếu hai hình vẽ của bài tập 82 – 83 sgk tr 100.  HS chuẩn bị bảng phụ có sẵn hình vẽ. | | | | |
| GV chia lớp thành 4 nhóm:  N1-3: thực hiện bt 82.  N2-4: thực hiện bài 83.  GV: nhận xét. | Các em thảo luận 2 phút và sau đó gv gọi 2 em bất kì ở 2 nhóm thuyết trình. | |  | |
| 1. **Hoạt động vận dụng. (5 phút).**   **Mục tiêu:** HS biết áp dụng hai đường thẳng song song trong không gian. Đường thẳng vuông góc với mặt phẳng. Hai mặt phẳng song song.  **Phương pháp**: Làm nhóm.Thuyết trình.  **Sản phẩm**: HS tính được diện tích hoặc chu vi các mặt tường – nền căn phòng… | | | | |
| **Bài tập.** Một căn phòng dài 6m, rộng 4,5m. cao 3m. Người ta muốn quét sơn trần nhà và 4 bức tường, cộng thêm lát gạch nền nhà. Kích thước gạch nền 30cmx30cm. diện tích các ô cửa là 5,8 .  N1-3: Tính diện tích tường cần quét sơn.  N2-4: Tính diện tích trần cần quét sơn và tính số viên gạch cần lát nền. | HS thực hiện  Sau đó thuyết trình | | Đáp số:     3. 100 viên. | |
| 1. **Hoạt động tìm tòi mở rộng.(1 phút).**   **Mục tiêu:** Học sinh biết tìm hiểu thêm các hình ảnh trong thực tế liên quan đến 2 đường thẳng song song. Đường thẳng song song với mặt phẳng. Hai mặt phẳng song song.  Tìm hiểu ứng dụng thực tế của các tính chất này.  **Phương pháp:** Tìm tòi tham khảo, luyện tập. | | | | |
| Tìm các ứng dụng thực tế và hình ảnh thực tế liên quan đến bài học.  Làm bt: 5, 6 SGK, 7, 8, 9 SBT. | Ghi nhớ nội dung giao bài.  Thực hiện yêu cầu. | |  | |

Rút kinh nghiệm bổ sung:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ngày soạn: …………… | Ngày dạy: …………… | Lớp: ……….. Tiết: …… |

**Tiết 57: THỂ TÍCH HÌNH HỘP CHỮ NHẬT**

**I. MỤC TIÊU**

Qua bài này giúp học sinh:

**1. Kiến thức:**

a/ Nhận biết: HS biết mô hình trực quan, HS nắm chắc các yếu tố của hình hộp chữ nhật. Biết một đường thẳng vuông góc với mặt phẳng, hai mặt phẳng song song. Biết thiết lập công thức thể tích hình hộp chữ nhật.

b/ Thông hiểu: HS hiểu được công thức tính thể tích hình hộp chữ nhật.

c/ Vận dụng: Bước đầu vận dụng công thức vào tính toán và thực tiễn.  **2. Kỹ năng:**

- HS thực hiện được kỹ năng thực hành tính thể tích hình hộp chữ nhật. Bước đầu nắm được phương pháp chứng minh1 đường thẳng vuông góc với 1 mặt phẳng, hai mặt phẳng song song.

- HS thực hiện thành thạo tính thể tích của hình hộp chữ nhật.

**3. Thái độ:**

- HS có thói quen liên hệ thực tế của các khái niệm toán học.

- Rèn cho HS tính cách cẩn thận, tỉ mỉ và tính thực tiễn của toán học.

**4. Định hướng năng lực, phẩm chất**

***- Năng lực:*** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực ngôn ngữ, năng lực tự học, năng lực phân tích đánh giá.

***- Phẩm chất:*** Tự tin, tự chủ.

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Giáo viên:** Phấn màu, bảng phụ, thước thẳng, SGK, SBT,máy chiếu.

**2. Học sinh:** Đồ dùng học tập, máy tính bỏ túi.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Ổn định lớp:** Kiểm tra sĩ số. *(1 phút)*

**2. Kiểm tra bài cũ:** *(5 phút)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Câu hỏi | Đáp án | Điểm |
| Nhìn vào hình vẽ trả lời các câu hỏi?  a/ - *A’A* có vuông góc với *AD* không? Vì sao?  - *A’A* có vuông góc với *AB* không? Vì sao?  b/ Xác định mối quan hệ giữa *AB* và *AD*?  c/ *AB* và *AD* cùng nằm trong mặt phẳng nào? | Hs: Lên bảng trả lời.  a/ - Có, Vì tứ giác *ADD’A’* là hình chữ nhật*.*  -Có, Vì tứ giác *ABB’A’* là hình chữ nhật*.*  b/ *AB  AD.*  *c/ AB* và *AD* cùng nằm trong mặt phẳng *(ABCD).* |  |

**3.Nội dung:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | | | **Hoạt động của HS** | | | | **Nội dung** |
| **A. Hoạt động khởi động** *(2 phút)*  ***Mục tiêu:*** Tạo hứng thú động cơ để HS tiếp nhận bài mới  ***Phương pháp:*** Thuyết trình.  **Sản phẩm:** HS biết nội dung bài học | | | | | | | |
| *-* GV: Ta nói A’A mp (ABCD).  Vậy khi nào ta nói đường thẳng vuông góc với mặt phẳng trong không gian?  Tiết này ta sẽ tìm hiểu về mối quan hệ vuông góc trong hình học không gian. Đồng thời xây dựng công thức tính thể tích hình hộp chữ nhật. | | | | - HS: lắng nghe | | |  |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức.**  **Hoạt động1: Tìm hiểu đường thẳng vuông góc với mặt phẳng, 2 với mặt phẳng vuông góc.** *(13 phút)*  ***Mục tiêu***: Thông qua hình ảnh trực quan, học sinh bước đầu nắm được dấu hiệu đường thẳng vuông góc với mặt phẳng, hai mặt phẳng vuông góc với nhau. Tìm được 2 đường thẳng vuông góc, đường thẳng vuông góc với mặt phẳng trong bài tập cụ thể, trong phòng học, ngoài thực tế.  ***Phương pháp:*** Vấn đáp gợi mởtrực quan, quy nạp.  **Sản phẩm:** HS biết vận dụng dấu hiệu nhận biết để chỉ ra đường thẳng vuông góc với mặt phẳng, hai mặt phẳng vuông góc. | | | | | | | |
| **\*Đường thẳng vuông góc mặt phẳng**  - GV: Trình chiếu màn hình  - GV: Quan sát hình bên. Đây là hình ảnh trong thực tế của đường thẳng vuông góc với mặt phẳng.  - GV: Vậy khi nào đường thẳng vuông góc với mặt phẳng chúng ta sẽ tìm hiểu ở phần này.  - GV: Câu hỏi kiểm tra bài cũ chính là ?1.  Gv: Từ đó ta kết luận A’A mp (ABCD)  - GV: Chỉ vào hình vẽ, nếu đặt    Hãy rút ra tổng quát.  - GV: Dự đoán đường thẳng *AA’* có vuông góc với *AC* không?  - GV: Em có nhận xét gì quan hệ giữa một đường thẳng vuông góc với một mặt phẳng tại điểm A với các đường thẳng đi qua A và nằm trong mặt phẳng đó.  **\*Hai mặt phẳng vuông góc**  Quan sát hình 84 SGk  - GV: *A’A* nằm trong mặt phẳng nào ?  - GV: Ta đã biết *A’A mp (ABCD).*  - GV: Thì mặt phẳng đó vuông góc *mp(ABCD)* không?  - GV: cho học sinh rút ra tổng quát, ghi bảng.  - GV: Hãy tìm thêm các mặt phẳng vuông góc với *mp(ABCD).*  Gv: nhận xét.  - GV: Cho HS liên hệ thực tế. Hãy nêu hình ảnhđường thẳng vuông góc với mặt phẳng, hai mặt phẳng vuông góc mà em thấy quanh lớp học và trong thực tế đời sống?  - GV: Lưu ý cho hs trên hình 84 SGK/ tr101 các đường A’A. B’B, C’C, D’D gọi là đường cao của hình hộp chữ nhật. | | - HS: quan sát  - HS: xem lại phần bài cũ còn lưu lại trên bảng.    - HS: đứng tại chổ trả lời.  Học sinh khác nhận xét.  - HS: có.  - HS: Một đường thẳng vuông góc với một mặt phẳng tại điểm A thì nó vuông góc với mọi đường thẳng đi qua điểm A và nằm trong mặt phẳng đó.  Học sinh khác nhận xét.  HS: *A’A* nằm trong mặt phẳng *(ABB’A’)*  - HS: Có.    - HS: Các mặt phẳng khác vuông góc với *(ABCD)* là *mp(DD’C’C); mp(CC’B’B.*  - HS: Trả lời theo hiểu biết. | | | | **1. Đường thẳng vuông góc với mặt phẳng. Hai mặt phẳng vuông góc.**  **a. Đường thẳng vuông góc với mặt phẳng.**    (Xà và đệm nhảy cao)  - Vì tứ giác *ADD’A’* là hình chữ nhật nên  - Vì tứ giác *ABB’A’* là hình chữ nhật nên  *- AA’ mp(ABCD)*  \*Tổng quát    \* **Nhận xét.** Nếu một đường thẳng vuông góc với một mặt phẳng tại điểm A thì nó vuông góc với mọi đường thẳng đi qua điểm A và nằm trong mặt phẳng đó.  **b. Hai mặt phẳng vuông góc**  \* Tổng quát  **?3 SGK**  Các mặt phẳng vuông góc với *(ABCD)* là *mp(AA’B’B), (DD’C’C); (CC’B’B)* | |
| **Hoạt động1: Tính thể tích hình hộp chữ nhật** *(12 phút)***.**  ***Mục tiêu***:  Hs biết cách thiết lập công thức tính thể tính thể tích hình hộp chữ nhật bằng hai cách. Nhớ và hiểu được công thức tính thể tích hình hộp chữ nhật. Bước đầu vận dụng công thức vào tính toán.  ***Phương pháp:*** Hoạt động cá nhân , gợi mở,quy nạp.  **Sản phẩm:** HS thiết lập được công thức, tính được thể tích của một hình hộp chữ nhật, hình lập phương. | | | | | | | |
| - GV: Mỗi lớp có bao nhiêu hình lập phương đơn vị?  - GV: Trong hình chữ nhật có bao nhiêu lớp hình lập phương đơn vị?  - GV: Vậy trong hình chữ nhật trên có bao nhiêu hình lập phương đơn vị?  Hs: Có 4.3.5 hình lập phương đơn vị  - GV: Mỗi hình lập phương đơn vị có thể tích là 1cm3. Tính xem thể tích hình hộp chữ nhật trên là bao nhiêu?  - GV: Nếu cho hình lập phương có cách kích thước là a; b; c (cùng đơn vị độ dài). Bằng cách tương tự hãy tính thể tích hình hộp chữ nhật trên?  **Gv: Dùng mô hình hình hộp chữ nhật cho hs thấy được đường cao của HHCN thay đổi theo mặt đáy**.  - GV: Hãy hoạt động cặp đôi để xây dựng công thức tính theo diện tích đáy và chiều cao. Thời gian hoàn thành là 1 phút.  - GV: Gọi đai diện trả lời.  - GV: Gọi nhóm khác nhận xét.  - GV: Từ công thức tính thể tích hình hộp chữ nhật xây dựng công thức tính thể tích cho hình lập phương?  - GV: Hướng dẫn Hs tóm tắt đề.  - GV: Hướng dấn Hs giải. | | - Hs: Có 4.3 hình lập phương đơn vị  - Hs: Có 5 lớp hình lập phương đơn vị     * - Hs: Có 4.3.5 hình lập phương đơn vị   - Hs: Thể tích HHCN trên là 4.3.5= 60cm3  - Hs trả lời    - HS: Quan sát.  - HS: Hoạt động cặp đôi.  Đai diện trả lời.    Nhóm khác nhận xét    - Hs: Đọc đề ví dụ 2.  - HS: lên bảng trình bày. | | | | **2) Thể tích hình hộp chữ nhật**  **Ví dụ 1.** Cho HHCN có các kích thước là 4cm; 3cm; 5cm. Chia hình hộp này thành các hình lập phương đơn vị với cạnh là 1cm. Tính xem có bao nhiêu hình lập phương đơn vị    **a. Thể tích hình hộp chữ nhật**   |  | | --- | |  |  * V: thể tích hình hộp chữ nhật * a, b, c : kích thước hình hộp chữ nhật      |  | | --- | |  |  * *V*: thể tích hình hộp chữ nhật * *Sday* : diện tích mặt đáy * *h* : chiều cao hình hộp chữ nhật   **b. Thể tích hình lập phương**    V: thể tích hình lập phương  a: độ dài cạnh hình lập phương  **Ví dụ 2. Bài tập 11b SGK**  Diện tích toàn phần: 486m2  Thể tích ?  Giải  Diện tích một mặt:  Độ dài cạnh hình lập phương:  Thể tích hình lập phương: | |
| **C. Hoạt động luyện tập (6 phút)**  **Mục tiêu:** Củng cố lí thuyết, học sinh biết tìm các yếu tố còn thiếu trong bảng từ đó biết cách suy ra các kích thước khi biết thể tích, diện tích đáy, chiều cao và ngược lại.  **Phương pháp:** Hoạt động nhóm.  **Sản phẩm:** Nêu được công thức tính thể tích hình hộp chữ nhật. tính được tất cả các yếu tố có trong công thức tính thể tính hình hộp chữ nhật. | | | | | | | |
| **Bài 13 SGK / tr104**  - GV: Yêu cầu HS hoạt động nhóm 3phút.  - Gv: Chiếu đáp án. Yêu cầu hs chấm điểm chéo giữa các nhóm.  - Gv: nhận xét cho điểm. | - HS: Hoạt động nhóm 3’. | | | | **3. Bài tập**  **Bài tập 13 SGK / tr104**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | C.dài | 22 | 18 | 15 | 20 | | C.R | 14 | **5** | **11** | **13** | | C.cao | 5 | 6 | 8 | **8** | | Sđáy | **308** | 90 | **165** | 260 | | V | **1540** | **540** | 1320 | 2080 | | | |
| **D. Hoạt động vận dụng (5 phút)**  ***Mục tiêu:*** Giúp học sinh sử dụng thành thạo công thức thể tích và các dấu hiệu nhận biết vuông góc để giải các dạng toán khác nhau.  ***Phương pháp***: Giải quyết vấn đề, thực hành luyện tập.  **Sản phẩm:** Vận dung được lí thuyết vào bài tập và thực tiễn. | | | | | | | |
| **Bài tập 11/ SGK:**  - GV: Gọi HS lên bảng trình bày.  - GV: Gọi HS nhận xét.  - GV: Chốt lại lời giải đúng.  - GV: củng cố kiến thức toàn bài bằng bảng đồ tư duy.  - GV: Căn phòng học này là mô hình hình hộp chữ nhật. Hãy chỉ ra những mặt phẳng vuông góc với đường thẳng các mép tường. Mặt phẳng sàng nhà vuông góc với những mặt phẳng nào? | | | - HS: lên bảng trình bày.  - HS: trả lời | | | | **Bài tập 11/ SGK.**  Gọi các kích thước của hình hộp chữ nhật là a,b, c  Ta có: = k  Suy ra a= 3k ; b = 4k ; c =5k  V = abc = 3k. 4k. 5k = 480  Do đó k = 2  Vậy a = 6; b = 8 ; c = 10 |
| **E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng (1 phút)**  ***Mục tiêu:*** Học sinh chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học ở tiết học. Biết vẽ sơ đồ tư duy để ghi nhớ.  ***Phương pháp***: Luyện tập, ghi chép.\  **Sản phẩm:** Vẽ được sơ đồ tư duy về nội dung bài học, làm được bài tập. | | | | | | | |
| - Yêu cầu HS về vẽ sơ đồ tư duy nội dung bài học.  - Học thuộc các công thức tính thể tích hình hộp chữ nhật, hình lập phương.  - Làm các bài tập 12, 13 và xem phần luyện tập. | | | - HS: ghi chép. | | | | Chiếu trên màn hình. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ngày soạn: …………… | Ngày dạy: …………… | Lớp: ……….. Tiết: …… |

**Tiết 58: LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU**

Qua bài này giúp học sinh:

**1. Kiến thức:**

- Viết được công thức tính diện tích, thể tích của hình hộp chữ nhật.

- Vận dụng được các kiến thức trên vào làm bài tập.

**2. Kỹ năng:**

Nhận dạng được đường thẳng song song với mp, đường thẳng vuông góc với mp, 2 mp song song, 2 mp vuông góc.

**3. Thái độ:** Tích cực, tự giác, có ý thức liên hệ kiến thức vào thực tế.

**4. Định hướng năng lực, phẩm chất**

***- Năng lực:*** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực ngôn ngữ, năng lực tự học.

***- Phẩm chất:*** Tự tin, tự chủ.

**II. CHUẨN BỊ**

1. Giáo viên: Phấn màu, bảng phụ, thước thẳng, SGK, SBT

2. Học sinh: Đồ dùng học tập, đọc trước bài.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

1. Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số. (**1 phút**)

2. Nội dung:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung** |
| **A. Hoạt động khởi động + kiểm tra bài cũ (6 phút)**  ***Mục tiêu:*** HS vẽ được hình hộp chữ nhật, chỉ ra các đường thẳng vuông góc với mặt phẳng, mặt phẳng vuông góc với mặt phẳng. Nhớ được công thức tính thể tích hình hộp chữ nhật  ***Phương pháp:*** nêu và giải quyết vấn đề | | |
| Vẽ 1 hình hộp chữ nhật và chỉ ra 1 đường thẳng vuông góc với 1 mp; 2 mp vuông góc với nhau  Viết công thức tính thể tích của hình hộp chữ nhật có kích thước là a, b, c (cùng đơn vị độ dài) | Thực hiện theo yêu cầu. | V= a.b.c |
| **B. Hoạt động luyện tập, vận dụng**  **Hoạt động 1: Dạng bài tính toán (25’)**  ***Mục tiêu***: HS vận dụng được công thức tính thể tích để giải các bài toán tính toán  ***Phương pháp:*** phát hiện và giải quyết vấn đề, thuyết trình. | | |
| Gv treo bảng phụ đề bài 14-sgk, yêu cầu học sinh đọc bài .  Gv hướng dẫn học sinh vẽ hình minh họa bài 14.  Gv bài toán cho biết điều gì? Yêu cầu tính gì?  Gv đặt ra các câu hỏi, gợi vấn đề, học sinh giải quyết  Đổ vào bể 120 thùng nước, mỗi thùng 20 lít thì dung tích nước đổ vào bể là bao nhiêu?  Khi đó h1=0,8m, hãy tính diện tích đáy bể.  Tính chiều rộng của bể nước ?  Đổ thêm 60 thùng thì đầy bể. Vậy thể tích của bể là bao nhiêu?  Yêu cầu học sinh tính chiều cao của bể.  Gv nhận xét.  - Gv treo bảng phụ đề và yêu cầu học sinh đọc đề bài 15 trang 104-sgk  Gv hướng dẫn hs cách làm theo gợi ý sau:  + Khi chưa thả gạch nước cách miệng thùng bao nhiêu dm?  + V nước khi thả gạch so với V khi chưa thả gạch và nước là bao nhiêu.  Diện tích đáy thùng là bao nhiêu? Nêu cách tính chiều cao nước dâng lên.  Vậy nước còn cách miệng thùng bao nhiêu dm?  Gv lưu ý: Gạch hút nước không đáng kể do chúng ngập hoàn toàn trong nước. | Hs đọc bài 14 trang 104  Hs quan sát hình vẽ  Hs trả lời.  Lượng nước đổ vào bể lúc đầu là 2400l=2,4m3  Hs tính diện tích đáy bể  CR= Diện tích: CD  V của bể là 3600l=3,6m3  Chiều cao của bể là h=V:S  Hs đọc, tóm tắt đề bài 15.  Nước cách miệng thùng 4dm  V=2.10.0,5.25=25 dm3  S đáy là 7.7=49dm2  Chiều cao của nước dâng lên là 0,51dm.  Sau khi thả gạch nước cách miệng thùng:  3-0,51=2,49dm | **1. Bài 14 trang 104.**    Giải:  Diện tích đáy bể là:  2,4:0,8=3 (m2)  Chiều rộng của bể nước là:  3:2=1,5 (m)  Thể tích của bể là:  20.(120+60)=3600l =3,6m3  Chiều cao của bể là: 3,6:3=1,2 (m)  **Bài 15 trang 105**  Hình lập phương canh bằng 7dm; hnc=4 dm  Thả 25 viên gạch có chiều dài 2 dm, rộng 1dm, chiều cao 0,5dm.  Hỏi nước dâng lên cách miệng thùng bao nhiêu dm?  Giải:  Khi chưa thả gạch vào nước cách miệng thùng là:  7-4=3dm  Thể tích nước và gạch tăng bằng thể tích của 25 viên gạch: 2.1.0,5.25=25 (dm3)  Diện tích đáy thùng là:  7.7=49 (dm2)  Chiều cao của nước dâng lên là 25:49=0,51 (dm)  Sau khi thả gạch vào nước còn cách miệng thùng là:  3-0,51=2,49 (dm) |
| **Hoạt động 2. Dạng bài xác định mối quan hệ giữa đường thẳng và mặt phẳng (10')**  ***Mục tiêu:*** HS xác định mối quan hệ giữa đường thẳng và mặt phẳng  ***Phương pháp:*** hoạt động nhóm  + Gv yêu cầu các nhóm nhận xét bài làm lẫn nhau rồi Gv chốt vấn đề. | | |
| Gv treo bảng phụ hình 59 và gọi học sinh đọc đề bài 17.  Gv giao nhiệm vụ thực hiện bài tập theo nhóm 4 (5 phút)  Gv yêu cầu các nhóm tiến hành đổi chéo bài làm để kiểm tra kết quả.  Gv gọi hs lên bảng trình bày.  Gv nhận xét và kết luận. | Hs đọc đề và quan sát hình vẽ bài 17  Các nhóm trao đổi, thảo luận, trình bày kết quả trên phiếu học tập.  Các nhóm đổi phiếu học tập.  Các nhóm vừa theo dõi, nhận xét, vừa kiểm tra chấm chéo. | **Bài tập 17 trang 105.**    a) Các đường thẳng song song với mp (EFGH) là:  AD, DC, BC, AB.  b) Đường thẳng AB song song với các mặt phẳng:  (EFGH); (DCGH)  c) AD song song với các đường thẳng: HE; BC; FG |
| **C. Hoạt động tìm tòi, mở rộng (3 phút)**  ***Mục tiêu:*** HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học.  - HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu tri thức sẽ học trong buổi sau.  ***Phương pháp***: Ghi chép | | |
| - Xem lại cách làm các dạng bài đã chữa.  - BTVN: bài 16, 18 trang 105  - Đọc trước bài hình lăng trụ đứng và chuẩn bị mỗi nhóm 2 đồ dùng có hình dạng lăng trụ đứng. | | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ngày soạn: …………… | Ngày dạy: …………… | Lớp: ……….. Tiết: …… |

**Tiết 59: Hình lăng trụ đứng**

**I. MỤC TIÊU**

Qua bài này giúp học sinh:

**1. Kiến thức:**

- HS nắm được các yếu tố của hình lăng trụ đứng (đỉnh, cạnh, mặt đáy, mặt bên, chiều cao).

- Biết gọi tên hình lăng trụ đứng theo đa giác đáy.

- Củng cố về khái niệm song song.

**2. Kỹ năng:**

- HS biết gọi tên, biết cách vẽ hình lăng trụ theo ba bước (vẽ đáy, vẽ mặt bên, vẽ đáy thứ hai)

**3. Thái độ:** Trung thực, cẩn thận, nghiêm túc và hứng thú học tập.

**4. Định hướng năng lực, phẩm chất**

***- Năng lực:*** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực ngôn ngữ, năng lực tự học.

***- Phẩm chất:*** Tự tin, tự chủ.

**II. CHUẨN BỊ**

1. Giáo viên: Phấn màu, bảng phụ, thước thẳng, SGK, SBT

+ Mô hình lăng trụ đứng: tứ giác, tam giác

+ Vài vật có dạng hình lăng trụ đứng.

+ Tranh vẽ hình 93; 95 / 106; 107 + Thước thẳng có chia khoảng, phấn màu.

2. Học sinh: Đồ dùng học tập, đọc trước bài.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

1. Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số. (**1 phút**)

2. Nội dung:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung** |
| **A. Hoạt động khởi động (5 phút)**  ***Mục tiêu:*** HS có các đồ dùng học tập cần thiết phục vụ môn học.  ***Phương pháp:*** Thuyết trình, trực quan. | | |
| - HS1:  + Ghi công thức tính thể tích hình hộp chữ nhật, hình lập phương. Phát biểu bằng lời ?  + Sửa BT 16/105:    **\*** Giới thiệu bài mới  - GV: Ở tiết trước ta đã biết thế nào là hình hộp chữ nhật và các cách tính diện tích, thể tích của chúng, hôm nay tìm hiểu tiếp dạng hình tiếp theo đó là “Hình lăng trụ đứng” | - HS1:  + Thể tích của hình hộp chữ nhật:  V= a.b.c (Với a, b c là ba kích thước)  + Thể tích hình lập phương.  V = a3 (với a là độ dài cạnh)  \* Thể tích hình hộp chữ nhật bằng tích ba kích thước .  \* Thể tích của hình lập phương bằng lập Phương cạnh của nó.  + Sửa BT 16/105:  - Các đường thẳng song song với mp(ABKI) Là: GD, GH, CH, CD, B’C’, C’D’,A’D’.  - Các đường thẳng vuông góc với mp(DCC’D’) là: DG, CH, B’C’,A’D’.  -Vì A’D’ mp(DCC’D’) và A’D’mp(A’D’C’B’)  Nên mp(A’D’C’B’)  mp(DCC’D’) .  HS lấy sách vở, bút ghi chép bài | Tiết : 60  **HÌNH LĂNG TRỤ ĐỨNG** |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức.**  **Hoạt động 1: Hình lăng trụ đứng (13 phút)**  ***Mục tiêu***: HS nắm được các yếu tố của hình lăng trụ đứng (đỉnh, cạnh, mặt đáy, mặt bên, chiều cao).Biết gọi tên hình lăng trụ đứng theo đa giác đáy. Củng cố về khái niệm song song.  ***Phương pháp:*** Thuyết trình, luyện tập thực hành, vấn đáp | | |
| - Tiếp cận khái niệm hình lăng trụ đứng.  - GV: Treo bảng vẽ chiếc lồng đèn ở đầu bài  Và cho biết đó là hình ảnh của hình lăng trụ đứng.  ? Có nhận xét gì mặt đáy là hình gì ? Các mặt bên là hình gì ? (Đáy là hình lục giác, các mặt bên là các hình chữ nhật)  - GV: Treo bảng vẽ hình 93 cho hs quan sat và đọc lớn nội dung như sgk/106.  ? Hãy nêu tên các đỉnh của hình lăng trụ ?  ? Nêu tên các mặt bên của hình lăng trụ này, các mặt bên là những hình gì ?  ? Nêu tên các cạnh bên của hình lăng trụ này, các cạnh bên có đặc điểm gì ?  ? Nêu tên hai mặt đáy của hình lăng trụ. Hai mặt đáy này có đặc điểm gì ?  - Thực hiện ?1 /106:  - GV giới thiệu : Hình hộp đứng  - GV đưa ra một số mô hình lăng trụ đứng ngũ giác, tam giác … và yêu cầu HS chỉ rõ các đáy, mặt bên,cạnh bên. | - Thực hiện ?1 /106:  - Hai mặt phẳng chứa hai đáy của một lăng trụ đứng có song song với nhau vì  + AB và BC là hai đường thẳng cắt nhau thuộc mp(ABCD)  + A1B1 và B1C1 là hai đường thẳng cắt nhau thuộc mp(A1B1C1D1).  Mà AB // A1B1 ;  BC // B1C1  - Các cạnh bên vuông góc với mặt phẳng đáy.  + Hình lăng trụ đứng có đáy là hình bình hành gọi là hình hộp đứng.  + Hình chữ nhật, hình vuông là trường hợp đặc biệt của hình bình nên hình hộp chữ nhật , hình lập phương cũng là những lăng trụ đứng. | **1. Hình lăng trụ đứng**    Lăng trụ đứng tứ giác  Kí hiệu : ABCD.A1B1C1D1  + A, B, C, D, A1, B1, C1, D1 là các đỉnh.  + Các mặt ABA1B1, BCC1B1, … là các hình chữ nhật. Chúng được gọi là các mặt bên.  + Các đoạn AA1, BB1, CC1, DD1 song song với nhau và bằng nhau, chúng được gọi là các cạnh bên.  + Hai mặt ABCD, A1B1C1D1 là hai đáy (Bằng nhau). |
| **Hoạt động 2: Ví dụ (10 phút)**  ***Mục tiêu:*** HS biết gọi tên, biết cách vẽ hình lăng trụ theo ba bước (vẽ đáy, vẽ mặt bên, vẽ đáy thứ hai)  ***Phương pháp:*** Thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành | | |
| - GV: Yêu cầu HS đọc SGK/107.  - GV: Hướng dẫn HS vẽ lăng trụ đứng tam giác hình 95 theo các bước sau:  + Vẽ ∆ ABC.  + Vẽ các cạnh bên AD, BE, CF song song, bằng nhau, vuông góc với cạnh AB.  + Vẽ đáy DEF, chú ý những cạnh bị khuất vẽ nét đứt (CF, DF, EF).  - GV: Gọi một HS đọc chú ý SGK/107 và chỉ rõ trên hình vẽ để HS hiểu. | - HS đọc yêu cầu SGK.  - HS vẽ hình theo sự hướng dẫn của giáo viên.  - HS đọc chú ý. | **2. Ví dụ**    Chiều cao    (Hình lăng trụ đứng tam giác)  – Hai mặt đáy ABC và DEF là những tam giác bằng nhau(và nằm trên hai mặt phẳng song song )  – Các mặt bên ADEB, BEFC, CFDA là những hình chữ nhật  – Độ dài một cạnh bên được gọi là chiều cao.  Chiều cao của lăng trụ bằng độ dài đoạn thẳng AD  \* **Chú ý** : (SGK/107). |
| **C. Hoạt động luyện tập ( 10 phút)**  ***Mục đích:*** HS luyện tập về các yếu tố của hình lăng trụ đứng (đỉnh, cạnh, mặt đáy, mặt bên, chiều cao).  ***Phương pháp:*** thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập | | |
| Bài 19/ SGK108 theo nhóm  - GV: Treo bảng phụ kẻ sẳn bảng như SGK/108 và cho hs điền vào ô còn trống.  - GV: Cho HS nhận xét , GV hoàn chỉnh bài giải và đánh giá cho điểm  Bài 21/ SGK108: | **Bài 19/SGK108:**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Hình | a | b | c | d | | Số cạnh của một đáy | 3 | **4** | **6** | **5** | | Số mặt bên | **3** | 3 | **6** | **5** | | Số đỉnh | **6** | **8** | 12 | **10** | | Số cạnh bên | **3** | **4** | **6** | 5 |   **Bài 21/SGK108:**  a) mp(ABC) // mp(A’B’C’)  b) mp(ABB’A’)mp(ABC)  mp(BCC’B’) mp(ABC).  mp(ACC’A’) mp(ABC).  c)   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Cạnh  Mặt | AA’ | CC’ | BB’ | A’C’ | B’C’ | A’B’ | AC | CB | AB | | ACB |  |  |  | // | // | // |  |  |  | | A’B’C’ |  |  |  |  |  |  | // | // | // | | ABB’A’ |  | // |  |  |  |  |  |  |  | | |
| **D. Hoạt động vận dụng ( 5 phút)**  ***Mục tiêu:*** Học sinh vận dụng kiến thức thực tế vào giải bài toán  ***Phương pháp***: vấn đáp, thuyết trình | | |
| \* **Đèn kéo quân**, hay còn gọi là đèn cù, là một loại đồ chơi, mặt ngoài có dán giấy trong (hoặc giấy bóng kính) thường có **dạng hình lăng trụ đứng đáy là lục giác đều**. Ngày xưa, đèn được phổ biến trong nhiều dịp lễ tết, ngày nay chỉ còn xuất hiện trong dịp tết Trung thu. Đèn có đặc điểm khi thắp nến thì những hình ảnh được thiết kế bên trong sẽ hiện ra trên mặt đèn và xoay xòng theo cùng một chiều liên tục.  \* Đèn kéo quân có 8 mặt. Tính số cạnh, số đỉnh của đèn khéo quân.  \* GV đưa ra công thức tổng quát. | - HS lắng nghe. | - Đèn kéo quân là hình lăng trụ đứng có 8 mặt thì có 6 mặt bên.  Đáy là lục giác đều có 6 cạnh.  Do đó số đỉnh là 12.  Số cạnh là 18.  - Chú ý: Một hình lăng trụ đứng có đáy là đa giác n cạnh.  + Số đỉnh ở một đáy là n, số đỉnh của hình lăng trụ là 2n.  + Số cạnh ở một đáy là n, số cạnh bên là n, số cạnh của lăng trụ là 3n.  Số mặt bên là n.  Số mặt của hình lăng trụ là n+2. |
| **E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng (2 phút)**  ***Mục tiêu:*** Học sinh chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học ở tiết học.  ***Phương pháp***: Ghi chép | | |
| - Rèn thêm kỉ năng vẽ hình lăng trụ đứng, hình lập phương, hình hộp chữ nhật.  - Chú ý phân biệt mặt bên, mặt đáy của hình trụ.  - BT về nhà: BT 20 (H97 d, e) + 22/09 (SGK) và BT 26,27,28,29/111, 112 (SBT)  - Ôn lại diện tích xung quanh, diện tích toàn phần của hình hộp chữ nhật. | HS ghi chép nội dung yêu cầu |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ngày soạn: …………… | Ngày dạy: …………… | Lớp: ……….. Tiết: …… |

**Tiết 60 : DIỆN TÍCH XUNG QUANH HÌNH TRỤ, LĂNG TRỤ ĐỨNG**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

Sau khi học xong bài này, học sinh:

**1. Kiến thức:**

- Biết được hình khai triển của hình lăng trụ, biết cách tính diện tích xung quanh hình trụ, lăng trụ đứng trong thực tế.

- Hiểu được về các hình trong thực tế.

- Vận dụng được công thức tính diện tích xung quanh hình lăng trụ để giải các trường hợp thực tế

**2. Kỹ năng:**

+ Hình thành được kĩ năng giải quyết các bài toán liên quan đến diện tích xung quanh .Và một số các kĩ năng khác:

- Thu thập và xử lý thông tin.

- Tìm kiếm thông tin và kiến thức thực tế, thông tin trên mạng Internet.

- Làm việc nhóm trong việc thực hiện dự án dạy học của giáo viên.

- Viết và trình bày trước đám đông.

- Học tập và làm việc tích cực chủ động và sáng tạo.

+ Rèn luyện được kĩ năng vẽ lăng trụ đứng tam giác, tứ giác, lục giác, ngũ giác .Đo được các khoảng cách trong thực tế.

**3. Thái độ**

Cẩn thận chính xác khi vẽ, đo và tính

**4. Định hướng năng lực, phẩm chất**

***a) Năng lực***

# - Năng lực tự học; Năng lực giải quyết vấn đề; Năng lực sáng tạo; Năng lực hợp tác; Năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông; Năng lực sử dụng ngôn ngữ; Năng lực tính toán

***b) Phẩm chất:*** Trung thực, tự trọng, tự tin, có trách nhiệm với bản thân.

# II. CHUẨN BỊ

**1 Giáo viên**: Đồ dùng Mô hình lăng trụ đứng tứ giác, hình lăng trụ đứng tam giác, tranh vẽ hình 93,95 sgk

****

**2. Học sinh** : Kiến thức cũ về Hình lăng trụ, về hình chữ nhật, Sản phẩm bài tập 22

**III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**1. Ổn định lớp kiểm tra sĩ số ( 1 phút)**

**2. Kiểm tra bài cũ ( phút)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của Gv** | **Hoạt động của Hs** | **Nội dung** |
| **A. Hoạt động khởi động: ( 6 phút)**  ***a) Mục tiêu :*** tạo hứng thú để Hs dễ tiếp thu bài mới  ***b) Phương pháp :*** thuyết trình, trực quan  ***c) Sản phẩm:*** Hs biết được hình khai triển của hình lăng trụ đứng | | |
|  | | |
| + Gv yêu cầu các nhóm trình bày sản phẩm Gv yêu cầu chuẩn bị ở tiết trước :  - Mô hình  - Diện tích tứ giác ABB’A’  + GV nhận xét đánh giá việc hoạt động của Hs  + GV chuẩn bị mô hình tương tự như học sinh  - Gv hướng dẫn gấp theo các đướng thẳng đã vẽ (đt song song với AB)  - Sau khi gấp sản phảm thu được là gi?  + Em có nhận xét gì về phần bìa của hình chữ nhật AA’B’B, đối với hình lăng trụ đứng sau khi gấp  ( GV trình chiếu hình vè ) | + Hs trình bày sản phẩm theo nhóm ( 4 Nhóm- học 4 HS)  + Hs làm việc cá nhân theo hướng dẫn của GV  + Hs phát biểu |  |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức** | | |
| **Hoạt động 1: Công thức tính diện tích xung quanh: (10 phút)**  ***a) Mục tiêu :*** Biết được hình khai triển của hình lăng trụ, biết cách tính diện tích xung quanh hình trụ trong thực tế.  ***b) Phương pháp :*** thuyết trình, trực quan  ***c) Sản phẩm:*** Công thức tính diện tích xung quanh hình lăng trụ đứng … | | |
| + Nhận xét gì về diện tích của hình chữ nhật AA’B’B, đối với hình lăng trụ đứng ADCBEG? Diện tích đó có ý nghĩa gì?  + Trên cơ sở mô hình, kết hợp với tranh vẽ sẵn: Giới thiệu khái niệm diện tích xung quanh hình lăng trụ đứng  + Gc yêu cầu HS tính biện tích hình chữ nhật  + GV thay các số bằng các độ dài a,b,c,h Yêu cầu học sinh  - viết công thức tính  - các ki hiệu a,b,c,h có liên qua gì với các kích thức của hình lăng trụ  + GVchốt kiến thức dẫn dắt học sinh viết công thức tính diện tích xq, dt toàn phần hình lăng trụ | + HS tư duy và trả lời  + Hs làm việc theo nhóm bàn trình bày trên giấy  + Hs thảo luận nhóm ; báo cáo trình bày sản phẩm | ***1. Công thức t?nh diện tích xung quanh:***  Sxq = 2p.h  (p là nửa chu vi, h là chi?u cao hình lăng trụ đứng).  Stp =Sxq + 2Sđáy. |
| **Hoạt động 2: Ví dụ (7 phút )**  ***a) Mục tiêu :*** hiểu được công thức tính diện tích xung quanh hình lăng trụ để giải các trường hợp thực tế  ***b) Phương pháp: nhóm***  ***c) Sản phẩm:*** Hs tính đươc Stp ,Sxq hình lăng trụ đứng | | |
| + Nêu ví dụ : Nếu tam giác ACD vuông ở C có AC = 3cm,CD = 4cm, AB = 6cm thì diện tích xung quanh của hình lăng trụ bên là bao nhiêu? Diện tích toàn phần là bao nhiêu?  + Yêu cầu HS hoạt động nhóm nhỏ | Hs : Hoạt động nhóm nhỏ làm bài trên bảng nhóm ,  Hs tình bày sản phẩm | ***Bài giải:*** ABDECG Tam giác ACD vuông ở C nên:  AD2 = AC2+CD2 = 9 + 16  AD2 = 25 suy ra  AD = 5cm  Sxq=(3+4+5).6=72cm2  Sxq = 3.4 = 12cm2  Stp = 72 + 12 = 84cm2 |
| **C. Hoạt động luyện tập (10 phút )**  ***a) Mục tiêu :*** Bước đầu giúp học sinh tìm hiểu , nhận biết hình lăng trụ đứng và biết cách tính diện tích xung quanh, thể tích hình lăng trụ đứng.  ***b) Phương pháp: hs làm việc cá nhân , nhóm***  ***c) Sản phẩm:*** | | |
| ***Bài tập 24 SGK***  Xem hình vẽ và điền vào chỗ trống: DHCGcBEab Gv yêu cầu cầu làm bài tập  + Treo bài làm của một số nhóm , sau đó trình bày lời giải hoàn chỉnh.  + Yêu cầu HS làm bài tập 26 | + HS Làm trên bảng phụ, bài tập 24 SGK.  + HS hoạt động nhóm  Theo dõi hướng dẫn và ghi chép những hướng dẫn cần thiết  + HS làm miệng mỗi HS trả lời một ý do Gv chỉ định | ***Bài tập 24 SGK***   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | ***a(cm)*** | 5 | 3 | 12 | 7 | | ***b(cm)*** | 6 | 2 | 15 |  | | ***c(cm)*** | 6 |  | 13 | 6 | | ***h(cm)*** | 10 | 5 |  |  | | ***Chu vi đáy (cm)*** |  | 9 |  | 21 | | ***Sxq (cm2)*** |  |  |  | 63 |   Bài 26 (sgk/t112)  HS làm miệng :  a) Gấp theo các cạnh được lăng trụ đứng tam giác.  b)ADAB Đúng  c)EFFC Đúng  d)DEBC sai  g) Hai đáy ABC và DFE nằm trên hai mặt phẳng song song với nhau là đúng  f)mp(ABC) //mp(ACFD) là sai |
| **D. Hoạt động vận dụng ( 5 phút )**  ***a) Mục tiêu :*** Vận dụng được công thức tính diện tích xung quanh hình lăng trụ để giải các trường hợp thực tế  ***b) Phương pháp:*** nhóm  ***c) Sản phẩm:*** diện tích xung quanh của hình ngũ giác đều | | |
| + Gv chiếu bài tập Bài toán : Một đèn lồng có dạng hình lăng trụ đứng; đáy là một ngũ giác có tất cả các cạnh bằng 15cm, đường cao bằng 60cm . Các mặt xung quanh của đèn lồng được làm bằng giấy màu hồng. Tính diện tích giấy màu hồng được sử dụng làm đèn lồng?  + Gv yêu cầu HS HĐ nhóm, phải có sản phẩm trên giấy,giáo viên chấm cho điểm hai nhóm nhanh nhất | + Hs làm việc nhóm bàn , trình bày trên giấy , báo cáo kết quả |  |
| **E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG. ( 5 phút)**  ***a) Mục tiêu :*** Vận dụng được công thức tính diện tích xung quanh hình lăng trụ để giải các trường hợp thực tế  ***Nội dung:***  - ND: Tính diện tích xung quanh của hình lăng trụ đứng.  ***b) Phương pháp:*** Chia lớp thành bốn nhóm làm bài tập, viết báo cáo.  ***c) Sản phẩm:*** Các báo cáo thực tế của các nhóm học sinh  NV | | |
| + Gv giao nhiệm vụ :  Cho hình lăng trụ đứng ABCD . A’B’C’D’ có ABCD là hình thoi, AC = 6cm, BD = 8cm, AA’ = 5cm. Tính diện tích xung quanh , diện tích toàn phần của hình lăng trụ đứng .  + Nhận xét đánh giá | + Hs làm việc nhóm bàn , trình bày trên giấy , báo cáo kết quả |  |
| + GV giao việc về nhà  - Nắm vững công thức tính diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của hình lăng trụ đứng.  - Bài tập vế nhà số 25 tr111 SGK bài số 32, 33, 34, 36 tr113 SBT  - Bài tập bổ sung: Tính diện tích toàn phần của hình lăng trụ đứng tam giác vuông có đáy là tam giác vuông, hai cạnh góc vuông bằng 6cm và 8cm. Chiếu cao bằng 9cm.  + *Chuẩn bị bài mới*  Đọc bài: Thể tích của hình lăng trụ đứng | HS thúc hiện nhim vụ |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ngày soạn: …………… | Ngày dạy: …………… | Lớp: ……….. Tiết: …… |

**Tiết 61: THỂ TÍCH CỦA HÌNH LĂNG TRỤ ĐỨNG**

**I. MỤC TIÊU**

Qua bài này giúp học sinh:

**1. Kiến thức:**

- Hình dung và nhớ được công thức tính thể tích hình lăng trụ đứng.

**2. Kỹ năng:**

- Biết vận dụng công thức vào việc tính toán.

**3. Thái độ:**

- Cẩn thận, nghiêm túc.

**4. Định hướng năng lực, phẩm chất**

***- Năng lực:*** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực ngôn ngữ.

***- Phẩm chất:*** Tự tin, tự chủ.

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Giáo viên**: Mô hình hình hộp chữ nhật, hình lăng trụ đứng tam giác, tranh vẽ hình 106 SGK/112, bảng phụ ghi đề bài và hình vẽ của một số bài tập, thước thẳng có chia khoảng, phấn màu, bút dạ.

**2. Học sinh**: Ôn tập công thức tính thể tích hình hộp chữ nhật. Thước thẳng có chia khoảng.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Ổn định lớp**: Kiểm tra sĩ số. (**1 phút**)

**2. Nội dung:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung** |
| **A. Hoạt động khởi động (2 phút)**  ***Mục tiêu***: HS nhớ và viết được công thức tính thể tích hình hộp chữ nhật.  ***Phương pháp:*** Thuyết trình, trực quan.  ***Kĩ thuật dạy học*:** Kĩ thuật hỏi đáp | | |
| GV: Viết công thức tính thể tích hình hộp chữ nhật?  GV: Từ công thức tính thể tích hình hộp chữ nhật V=a.b.c ta thấy thể tích hình hộp chữ nhật còn có thể được tính bằng diện tích đáy nhân với chiều cao.  V= diện tích đáy x chiều cao. | HS: Trả lời miệng | Công thức: V=a.b.c  (a, b, c: kích thước của hình hộp chữ nhật)  V= diện tích đáy x chiều cao. |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức.**  **Hoạt động 1: Công thức tính thể tích (12 phút)**  ***Mục tiêu:*** HS nhận biết được cách xây dựng công thức tính thể tích hình lăng trụ đứng.  ***Phương pháp:*** Luyện tập và thực hành tính toán.  ***Kĩ thuật dạy học*:** Kĩ thuật hỏi đáp | | |
| GV: Ta đã biết hình hộp chữ nhật cũng là hình lăng trụ đứng, hãy xét xem công thức tính thể tích hình hộp chữ nhật “Thể tích = diện tích đáy x chiều cao”  Có áp dụng được cho lăng trụ đứng nói chung hay không?  GV treo bảng phụ vẽ hình 106 a) và 106 b) SGK/112.  GV: So sánh thể tích của lăng trụ đứng tam giác và thể tích hình hộp chữ nhật (Cắt theo mặt phẳng chứa đường chéo của 2 đáy khi đó 2 lăng trụ đứng có đáy là tam giác vuông bằng nhau)  GV: Hãy tính cụ thể và cho biết thể tích của lăng trụ đứng đáy là tam giác vuông có bằng diện tích đáy nhân với chiều cao của nó hay không?  GV: Vậy với lăng trụ đứng đáy là tam giác vuông ta có công thức tính thể tích là: diện tích đáy x chiều cao  V= Sđ x h.  GV: Với đáy là tam giác thường và mở rộng ra đáy là đa giác bất kỳ người ta đã chứng minh được công thức vẫn đúng.  GV: Yêu cầu HS nhắc lại công thức | HS quan sát hình 106  7  4  5  5  HS: Thể tích của lăng trụ đứng đáy là tam giác vuông bằng một nửa thể tích hình lăng trụ đứng có đáy là hình hộp chữ nhật  HS:  Thể tích hình hộp chữ nhật là:  5 . 4 . 7 = 140  Thể tích lăng trụ đứng tam giác là:    = diện tích đáy x chiều cao  = Sđ x h.  HS nhắc lại công thức. | **1. Công thức tính thể tích**  ***Tổng quát:***  Công thức tính thể tích hình lăng trụ đứng:  **V = S.h**  *Trong đó:*  S: diện tích đáy  h: chiều cao  V: thể tích |
| **Hoạt động 2: Ví dụ (10 phút)**  ***Mục tiêu:*** HS vận dụng công thức tính thể tích hình lăng trụ đứng vào giải ví dụ.  ***Phương pháp:*** Hoạt động nhóm, luyện tập thực hành  ***Kĩ thuật dạy học:*** Kĩ thuật thảo luận nhóm, chia nhóm. | | |
| GV treo bảng phụ vẽ sẵn hình 107 lên bảng, gọi HS đọc đề bài của ví dụ  Yêu cầu HS chia thành 4 nhóm để hoạt động.  GV khẳng định lại  +Gọi ý: Đáy lăng trụ đứng gồm 1 hình chữ nhật và 1 hình tam giác  - Hướng dẫn HS tính thể tích từng phần của hình  - Ngoài cách tính trên còn có thể tính bằng cách nào khác ?  GV: Qua ví dụ trên em có nhận xét gì về việc áp dụng công thức tính thể tích của hình lăng trụ đứng nói riêng và hình không gian nói chung | HS: Chia thành 4 nhóm  Sau đó một nhóm lên trình bày, các nhóm khác nhận xét  V = 25 . 7 = 175 (cm3)  - Không máy móc áp dụng công thức tính thể tích trong 1 bài toán cụ thể  - Tính thể tích của 1 hình trong không gian có thể là tổng của thể tích các hình thành phần (Các hình có thể có công thức riêng)  HS đọc nhận xét trong SGK. | 14**2. Ví dụ**  ***Giải***  Thể tích hình hộp chữ nhật:  V1 = 4 . 5 . 7 = 140 (cm3)  Thể tích hình lăng trụ đứng tam giác:  V2 =  (cm3)  Thể tích hình lăng trụ đứng ngũ giác:  V = V1 + V2 = 175 (cm3) |
| **C. Hoạt động luyện tập (14 phút)**  ***Mục tiêu:*** HS vận dụng công thức tính thể tích hình lăng trụ đứng vào giải bài tập.  ***Phương pháp:*** Hoạt động luyện tập thực hành  ***Kĩ thuật dạy học:*** Kĩ thuật hỏi đáp | | |
| Đưa bảng phụ kẻ sẵn bảng và hình 108 trong SGK lên bảng.  GV vấn đáp  Đáy là hình gì? chiều cao? suy ra thể tích?  Gọi một HS lên bảng thực hiện  GV nhận xét, chữa bài | HS quan sát bảng phụ H108  HS tại chỗ áp dụng công thức tính và trả lời miệng.  HS trả lời | **3. Luyện tập**  **Bài 27 SGK/113**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | b | 5 | 6 | 4 | **5/2** | | h | 2 | **4** | **3** | 4 | | h1 | 8 | 5 | **2** | 10 | | Sđ | **5** | 12 | 6 | **5** | | V | **40** | **60** | 12 | 50 |   **Bài 28 SGK/113**  Giải:  Dung tích của thùng là: |
| **D. Hoạt động vận dụng (4 phút)**  ***Mục tiêu***: Học sinh vận dụng kiến thức thực tế vào giải bài toán  ***Phương pháp***: vấn đáp, thuyết trình | | |
| GV: Cho HS đọc đề  GV: Bể bơi được chia thành hai phần: phần hình hộp chữ nhật với các kích thước là 10m, 25m, 2m và phần hình lăng trụ đứng với đáy là tam giác vuông có hai cạnh góc vuông là 2m, 7m và chiều cao 10m. Khi đó thể tích của mỗi hình là? | https://img.loigiaihay.com/picture/2018/0719/b29-trang-114-sgk-toan-8-t2-c2.jpg  HS đứng tại chỗ trả lời | **Bài 29SGK/114**  Thể tích hình hộp chữ nhật là:            V=10.25.2=500(m3)  Thể tích lăng trụ đứng tam giác:            V=S.h=12.2.7.10=70 (m3)  Vậy thể tích bể bơi khi đầy ắp nước là:            500+70=570(m3) |
| **E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng (2 phút)**  ***Mục tiêu:*** Học sinh chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học ở tiết học.  ***Phương pháp***: Ghi chép | | |
| - Học bài và làm bài tập 30 trong SGK/114  - Chuẩn bị trước các bài tập để giờ sau: Luyện tập. | - HS ghi chép nội dung yêu cầu |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ngày soạn: …………… | Ngày dạy: …………… | Lớp: ……….. Tiết: ……. |

**Tiết 62: LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Qua bài này giúp học sinh: Hệ thống lại các kiến thức đã học về hình lăng trụ đứng như: cạnh bên, mặt bên, mặt đáy, các công thức tính về diện tích xung quang, diện tích toàn phần và thể tích.

**2. Kỹ năng:** Củng cố lại các kiến thức trên và tận dụng các kiến thức trên để biết được các hình lăng trụ trong thực tế. Vận dụng các công thức trên để tính được diện tích và thể tích của hình lăng trụ.

**3. Thái độ:** Rèn tính cẩn thận, chính xác , suy luận của học sinh.

**4. Định hướng năng lực, phẩm chất**

***- Năng lực:*** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực ngôn ngữ, năng lực tự học.

***- Phẩm chất:*** Tự tin, tự chủ.

**II. CHUẨN BỊ**

1. Giáo viên: Phấn màu, bảng phụ, thước thẳng, SGK, SBT

2. Học sinh: Đồ dùng học tập, đọc trước bài.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

1. Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số. (**1 phút**)

2. Tiến trình dạy học:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung** |
| **A. Hoạt động khởi động + kiểm tra bài cũ ( 5 phút)**  ***Mục tiêu:*** Tạo hứng thú, động cơ để học sinh vào tiết luyện tập.  ***Phương pháp:*** Thuyết trình, trực quan.  ***Sản phẩm:*** Học sinh phát biểu và viết được công thức tính thể tích của hình lăng trụ đứng. Áp dụng được vào bài toán. | | |
| GV: Phát biểu và viết công thức tính thể tích của hình lăng trụ đứng.  GV: Áp dụng tính thể tích và diện tích toàn phần của hình lăng trụ đứng tam giác hình 111a SGK.  GV: Giáo viên quan sát bài làm.  GV: nhận xét câu trả lời và bài làm của học sinh, ghi điểm.  GV: Chốt lại về công thức tính diện tích và thể tích hình lăng trụ. | HS: Thực hiện yêu cầu.  HS: Học sinh trình bày, học sinh khác theo dõi bài làm của bạn.  HS: Nhận xét bài làm của bạn.  HS: Chú ý lắng nghe. | V = S.h  (S là diện tích đáy, h là chiều cao).    Thể tích của hình lăng trụ đứng là:    Cạnh huyền của tam giác vuông ở đáy là:    Diện tích xung quanh của lăng trụ đứng là:    Diện tích toàn phần của lăng trụ là: |
| **B. Hoạt động luyện tập- 30 phút.**  ***Mục tiêu***: Học sinh luyện tập tính thể tích của hình lăng trụ đứng.  ***Giao nhiệm vụ:*** Các bài tập trên bảng phụ.  ***Cách thức tổ chức hoạt động:*** Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.  ***Sản phẩm:*** Học sinh thực hiện được các bài tập. | | |
| **Hoạt động 1:**  GV: Đưa bảng phụ ghi nội dung bài tập 33 SGK trang 115 lên bảng  GV: Yêu cầu hs đứng tại chỗ trả lời các câu hỏi trên.  GV: Nhận xét, ghi lại câu trả lời trên bảng phụ.  **Hoạt động 2:**  GV: Đưa bảng phụ có ghi bài tập 31 SGK trang 115 lên bảng.  GV: Bài toán cho gì? Yêu cầu tính gì?  GV: Giao nhiệm vụ cho các nhóm thảo luận làm bài 31. Điền số thích hợp vào ô trống.  GV: Đánh giá kết quả nhiệm vụ của hs, nhận xét bài, chốt lại kiến thức.  **Hoạt động 3:**  GV: Đưa bảng phụ có ghi bài tập 32 SGK trang 115 lên bảng.  GV: Bài toán cho biết gì? Yêu cầu tính gì?  GV: Giao nhiệm vụ cho các nhóm thảo luận làm bài 32.  GV: Đánh giá kết quả nhiệm vụ của hs, nhận xét bài, chốt lại kiến thức. | HS: quan sát nội dung bài tập.  HS: Đứng tại chỗ trả lời các câu hỏi của bài toán.  HS: Đọc đề bài.  HS: Trả lời.  HS: Thảo luận, báo cáo kết quả, trình bày sản phẩm bài giải.  HS: Chú ý, lắng nghe  HS: Đọc đề bài.  HS: Trả lời.  HS: Thảo luận, báo cáo kết quả, trình bày sản phẩm bài giải.  HS: Các nhóm nhận xét bài lẫn nhau. | Bài tập 33 trang 115 SGK    a) Các cạnh song song với cạnh AD là:  BC; EH; FG.  b) Cạnh song song với cạnh AB là:  EF.  c) Các đường thẳng song song với mặt phẳng (EFGH) là:  AB; BC; CD; DA.  d) Các đường thẳng song song với mặt phẳng (DCGH) là:  AE; BF.  Bài tập 31 trang 115 SGK  Điền số thích hợp vào các ô trống ở bảng sau:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | Lăng  trụ 1 | Lăng  trụ 2 | Lăng  trụ 3 | | Chiều cao của lăng trụ đứng tam giác | 5cm | 7cm | ***3cm*** | | Chiều cao của tam giác đáy | ***4cm*** | ***2,8cm*** | 5cm | | Cạnh tương ứng với đường cao của tam giác đáy | 3cm | 5cm | ***6cm*** | | Diện tích đáy | 6cm2 | ***7cm2*** | 15cm2 | | Thể tích lăng trụ đứng | ***30cm3*** | 49cm3 | 0,045l |   Bài tập 32 trang 115 SGK    a) AB song song với KD, IC.  b) Diện tích đáy:  Thể tích lưỡi rìu:  c) Ta có:  Khối lượng của lưỡi rìu: |
| **C. Hoạt động vận dụng ( 7 phút)**  ***Mục tiêu***: Học sinh vận dụng tính thể tích của hình lăng trụ đứng.  ***Giao nhiệm vụ:*** Bài tập trên bảng phụ. Bài 35sgk trang 116.  ***Cách thức tổ chức hoạt động:*** Hoạt động nhóm.  ***Sản phẩm:*** Học sinh thực hiện được bài tập. | | |
| GV: Đưa bảng phụ có ghi bài tập 35 SGK trang 116 lên bảng.  GV: Bài toán cho biết gì? Yêu cầu tính gì?  GV: Tính diện tích đáy như thế nào?  GV: Giao nhiệm vụ cho các nhóm thảo luận làm bài 32.  GV: Đánh giá kết quả nhiệm vụ của hs, nhận xét bài, chốt lại kiến thức. | HS: Đọc đề bài.  HS: Trả lời.    HS: Thảo luận, báo cáo kết quả, trình bày sản phẩm bài giải.  HS: Các nhóm nhận xét bài lẫn nhau. | Bài tập 35 trang 116 SGK    Diện tích đáy của hình lăng trụ đứng:  Thể tích của hình lăng trụ đứng: |
| **E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng ( 2phút)**  ***Mục tiêu:*** HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học.  HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu tri thức trong buổi học hôm sau. | | |
| * Về nhà xem lại các bài tập đã chữa. * Làm các bài tập 34 sgk trang 116, bài tập 50; 51; 53 sbt trang 119. * Hướng dẫn bài 34 sgk.  1. Thể tích hộp xà phòng: 2. Thể tích hộp sô- cô- la: | | |

**Rút kinh nghiệm:**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………...

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ngày soạn: …………… | Ngày dạy: …………… | Lớp: ……….. Tiết: …… |

**Tiết 63: HÌNH CHÓP ĐỀU VÀ HÌNH CHÓP CỤT ĐỀU**

**I. MỤC TIÊU**

Qua bài này giúp học sinh:

**1. Kiến thức:**

**-** Biết khái niệm hình chóp, hình chóp đều, hình chóp cụt đều.

**2. Kỹ năng:**

- Xác định được các yếu tố đỉnh, cạnh, mặt, đáy của hình chóp.

- Nhận biết hình chóp đều, chóp cụt đều.

- Vận dụng vào thực tế cắt ghép được hình chóp đều.

**3. Thái độ:**

- Nghiêm túc và hứng thú học tập.

**4. Định hướng năng lực, phẩm chất**

***- Năng lực:*** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực ngôn ngữ, năng lực tự học.

***- Phẩm chất:*** Tự tin, tự chủ.

**II. CHUẨN BỊ**

1. Giáo viên: Phấn màu, bảng phụ, thước thẳng, SGK, SBT

2. Học sinh: Đồ dùng học tập, đọc trước bài.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

1. Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số. (**1 phút**)

2. Nội dung:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung** |
| **A. Hoạt động khởi động (2 phút)**  ***Mục tiêu:*** Gây hứng thú với việc tìm hiểu khái niệm hình chóp  ***Phương pháp:***trực quan | | |
| Gv trình chiếu slide hoặc bảng phụ hình kim tự tháp, hình chóp… | Quan sát | Kim tự tháp.jpg |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức.**  **Hoạt động 1: Từ hình ảnh trực quan đi đến khái niệm. ( 7 phút)**  ***Mục tiêu***: HS nắm được khái niệm hình chóp, các yếu tố đỉnh, cạnh, mặt, đáy, chiều cao.  ***Phương pháp:*** trực quan, nêu vấn đề. | | |
| Yêu cầu HS quan sát hình, trao đổi cặp: chỉ ra các yếu tố của hình chóp?  Tên của hình chóp phụ thuộc vào đáy. | HS trao đổi cặp và chỉ các yếu tố của hình chóp | 1. Hình chóp  hình chóp.jpg |
| **Hoạt động 2: hình thành khái niệm hình chóp đều (13 phút)**  ***Mục tiêu:*** HS biết được thế nào là hình chóp đều  ***Phương pháp:***Trực quan,vấn đáp gợi mở  hình chóp tứ giác đều.jpgthực tế hình chóp.jpgkim-tu-thap-kheops-la-gi-1.jpg | | |
| Cho hs quan sát hình ảnh  Yêu cầu hs nhận xét các đặc điểm của các hình chóp? Có gì đặc biệt?  Nêu khái niệm hình chóp đều  Cho HS thực hiện **?** trang 117 | Quan sát  Nhận xét, rút ra điều đặc biệt.  Phát biểu khái niệm  Thực hiện theo nhóm  Trình bày sản phẩm | 2. Hình chóp đều  Khái niệm: Hình chóp đều có đáy là đa giác đều, các mặt bên là các tam giác cân bằng nhau có đỉnh chung là đỉnh của hình chóp. |
| **Hoạt động 3: hình thành khái niệm hình chóp cụt đều ( 5 phút)**  ***Mục tiêu:*** HS biết được thế nào là hình chóp cụt đều  ***Phương pháp:***Trực quan, nêu vấn đề  chóp cụt.pngcụt chóp.jpg | | |
| Hãy chỉ ra các đặc điểm về đáy? Mặt bên của hình chóp cụt đều? | Mặt bên là hình thang cân, hai đáy song song với nhau | 3. Hình chóp cụt đều  Khái niệm: SGK |
| **C. Hoạt động luyện tập – vận dụng ( 7 phút)**  Mục đích: Vận dụng kiến thức vào bài tập  Phương pháp: | | |
| Yêu cầu 4 HS lên bảng thực hiện bài 36  2 HS thực hiện bài 37 | Các HS lên bảng  Các HS còn lại thực hiện vào vở và nhận xét bài bạn | Bài tập 36, 37 SGK |
| **D. Hoạt động tìm tòi, mở rộng (3 phút)**  ***Mục tiêu:*** Khắc sâu kiến thức, vận dụng vào thực tế cắt ghép.  ***Phương pháp***: tự học | | |
| Thực hiện bài 38, 39 SGK  Làm mô hình hình chóp tam giác, tứ giác thường, đều. | | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ngày soạn: …………… | Ngày dạy: …………… | Lớp: ……….. Tiết: …… |

**Tiết 64: DIỆN TÍCH XUNG QUANH CỦA HÌNH CHÓP ĐỀU**

**I. MỤC TIÊU**

Qua bài này giúp học sinh:

**1. Kiến thức:**

a/ Nhận biết: Học sinh viết được công thức tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần của hình chóp đều.

b/ Thông hiểu: Nêu và tính được công thức tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần của hình chóp đều.

c/ Vận dụng: Bước đầu biết sử dụng công thức tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần của hình chóp đều trong các bài tập đơn giản.

**2. Kỹ năng:**

- Hoàn thiện dần các kỹ năng vẽ các hình đã biết. Quan sát hình theo nhiều góc nhìn khác nhau.

- Tiếp tục rèn luyện cho HS thao tác tư duy, phân tích tổng hợp, tư duy logic biện chứng trên cơ sở tìm ra công thức tính diện tích xung quanh của hình chóp đều

**3. Thái độ:**

- Có thái độ nghiêm túc, chú ý, cẩn thận trong quá trình trình bày; Yêu thích môn học.

**4. Định hướng phát triển năng lực, phẩm chất**

***- Năng lực:*** năng lực tính toán, năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, tự giác, chủ động, tự quản lí.

- ***Phẩm chất:*** Tự tin,tự chủ

**II. CHUẨN BỊ**

1. Giáo viên: SGK, SGV, STK, bảng phụ, phấn màu

2. Học sinh: SGK, SBT, dụng cụ học tập, đọc trước bài, bảng phụ, bảng nhóm.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

1. Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số (1 phút)

2. Kiểm tra bài cũ (3 phút)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Đáp án** | **Điểm** |
| Thế nào là hình chóp đều?  Hãy vẽ một hình chóp tứ giác đều, chỉ ra đỉnh, các cạnh bên, mặt đáy, các mặt bên, đường cao và trung đoạn. | Hình chóp đều là hình chóp có đáy là tam giác đều và các mặt bên là tam giác cân  Cạnh bên **S** đỉnh  Đường cao  Mặt đáy  Mặt bên  **D** **C**  **H I**  **A B**  Trung đoạn | 3đ  7đ |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung** |
| **A. Hoạt động khởi động : Không** | | |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức (25 phút)**  **Hoạt động 1: Tìm hiểu công thức tính diện tích xung quanh của hình chóp đều (15 phút)**  ***Mục tiêu:*** Học sinh biết được công thức tính diện tích xung quanh của hình chóp đều.  ***Phương pháp:*** Vấn đáp, giải quyết vấn đề.  ***Sản phẩm:*** Học sinh biết cách tính diện tích xung quanh của một hình chóp đều | | |
| - GV giới thiệu ? ở SGK trang 119, sau đó yêu cầu HS thực hiện dưới hình thức hoạt động nhóm.  **-** GV thu kết quả của các nhóm, kiểm tra lại các kết quả sau đó đưa kết quả để HS toàn lớp nhận xét.  - Từ kết quả trên thì em hãy cho biết cách tính diện tích xung quanh của một hình chóp đều?  - Từ đó GV nêu công thức tính diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của một hình chóp đều?  - GV cho HS làm bài tập sau: Tính diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của hình chóp: S.ABCD biết p= 20cm và d = 13 cm; Sđ = 100 cm2 | - Các nhóm thực hiện theo yêu cầu ? ở SGK trang 119  - HS quan sát kết quả ở các nhóm.  - Sau đó tham gia nhận xét kết quả bài giải ở các nhóm.  Tổng diện tích của các mặt bên.  - HS ghi công thức tính diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của hình chóp vào vở.  - HS suy nghĩ làm bài | **1. Công thức tính diện tích xung quanh**  Diện tích xung quanh của hình chóp đều bằng tích nửa chu vi đáy với trung đoạn.  Ta có: **Sxq = p .d**  Với: - p là nửa chu vi đáy  - d là trung đoạn của hình chóp đều.  Diện tích toàn phần của hình chóp bằng tổng của diện tích xung quanh và diện tích đáy  \* Bài tập:  Ta có: Diện tích xung quanh của hình chóp S.ABCD là:  Sxq = p.d = 20.13 = 360 cm2  Diện tích toàn phần của hình chóp S.ABCD là:  Stp = Sxq + Sđ  Stp = 360 + 100 = 460 cm2 |
| **Hoạt động 2: Tìm hiểu ví dụ (10 phút)**  ***Mục tiêu:*** Học sinh vận dụng được công thức tính diện tích xung quanh của hình chóp đều vào bài toán cụ thể.  ***Phương pháp:*** Thuyết trình, luyện tập thực hành.  ***Sản phẩm:*** Học sinh vẽ được hình chóp tam giác đều, tính được diện tích xung quanh của hình chóp đều này. | | |
| - Cho HS ghi nội dung ví dụ như SGK trang 120.  - GV giải thích về đường tròn ngoại tiếp một tam giác đều.  - Để tính được diện tích xung quanh của hình chóp đều thì ta phải tìm được đại lượng nào?  - Từ đó hãy tính 2 đại lượng trên.  - Từ đó yêu cầu HS tính diện tích xung quanh của hình chóp đều.  - Từ đó GV chốt lại cho HS về cách tìm diện tích xung quanh của hình chóp.  - Từ đó hãy tính diện tích toàn phần của hình chóp đều | - HS ghi nội dung bài tập vào vở.  - HS chú ý đến nội dung về đường tròn ngoại tiếp một tam giác đều.  - Tìm được nửa chu vi đáy và đường trung đoạn.  - Ta có: AB = R = (3cm)  - Ta có trung đoạn  SI=  = = (cm)  - HS tính diện tích xung quanh của hình chóp đều.    - Ta có: Stp = 4.SABC  Stp = 4 . .3.  = 9 (cm2) | **2. Ví dụ**  Cho hình chóp S.ABC có bốn mặt là những tam giác đều bằng nhau, H là tâm đường tròn ngoại tiếp tam giác đều ABC, bán kính HC = R = (cm). Biết rằng AB = R, tính diện tích xung quanh của hình chóp.  S  R  A C  H I    B  Giải: Ta thấy hình chóp đều. Bán kính đường tròn ngoại tiếp tam giác đều là  R = , nên: AB = R = (3cm). Ta có trung đoạn  SI = =  =  =  (cm)  Vậy diện tích xung quanh hình chóp đều.  Sxq = .  = (cm2). |
| **C. Hoạt động luyện tập (8 phút)**  ***Mục tiêu:*** Củng cố lí thuyết, giúp HS biết công thức tính diện tích xung quanh của hình chóp đều.  ***Phương pháp:*** Thuyết trình, luyện tập thực hành.  ***Sản phẩm:*** Học sinh vẽ được hình chóp tứ giác đều, tính được diện tích xung quanh, diện tích toàn phần của hình chóp đều này. | | |
| - Để tính diện tích xung quanh của hình chóp thì ta phải xác định được điều gì?  - Từ đó hãy tính theo yêu cầu của đề bài.  - Hãy tính diện tích đáy và diện tích toàn phần của hình chóp? | - Để tính diện tích xung quanh của hình chóp ta phải xác định được nửa chu vi đáy và trung đoạn.  - HS thực hiên theo yêu cầu. | **Bài 40 tr121 SGK**    Ta tính trung đoạn:  SI =  = 20  (cm )  Diện tích xung quanh của hình chóp:  Sxp = 60 . 20 = 1200 (cm2)  Diện tích toàn phần của hình chóp:  Stp = Sxq + Sđáy  **=** 1200 + 302 = 2100 (cm2) |
| **D. Hoạt động vận dụng (5 phút)**  ***Mục tiêu:*** HS vẽ được hình chóp tứ giác đều có đáy là một hình vuông  ***Phương pháp:*** Thuyết trình, luyện tập thực hành.  ***Sản phẩm:*** Học sinh vẽ được hình chóp tứ giác đều | | |
| - Cho HS thực hiện bài 41 theo hoạt động nhóm.  - GV đi kiểm tra các nhóm thực hiện và có thể hướng dẫn HS làm. | - HS thực hiện hoạt động theo nhóm.  - Mỗi nhóm thực hiện vẽ hình và trình bày cách vẽ  \* Cách vẽ hình 125 (a) tr121 SGK  - Vẽ hình vuông có cạnh bằng 5cm  - Vẽ các tam giác cân có đáy là cạnh hình vuông, các cạnh bên bằng 10cm  Ba HS đại diện lên bảng thực hiện. | **Bài 41 tr121 SGK**  SGK |
| **E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng (3 phút)**  ***Mục tiêu:*** HS biết được rằng ứng dụng tính diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của hình chóp đều có rất nhiều trong thực tế (tính diện tích cần lợp hai mái nhà và 4 bức tường, tính số vải bạt cần dựng lều trại... )  ***Phương pháp:*** Thuyết trình, luyện tập thực hành. | | |
| - GV yêu cầu HS về nhà tìm hiểu thêm ứng dụng thực tế của diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của hình chóp đều.  GV giao BTVN: 41, 42, 43 tr121 SGK | - HS thực hiện theo yêu cầu. |  |

**Rút kinh nghiệm:**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ngày soạn: …………… | Ngày dạy: …………… | Lớp: ………. Tiết: …… |

**Tiết 65: THỂ TÍCH HÌNH CHÓP ĐỀU**

**I. MỤC TIÊU**

Qua bài này giúp học sinh:

**1. Kiến thức:**

+ Hình dung và nhớ được công thức tính thể tích hình chóp đều.

+ Biết vận dụng công thức vào việc tính thể tích hình chóp đều.

**2. Kỹ năng:** Vẽ hình, dựng hình, tính toán, tính thể tích các hình

**3. Thái độ:** Rèn kĩ năng tính toán cẩn thận, đúng, nhanh, trình bày khoa học.

**4. Định hướng năng lực, phẩm chất**

***- Năng lực:*** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực ngôn ngữ, năng lực tự học.

***- Phẩm chất:*** Tự tin, tự chủ.

**II. CHUẨN BỊ**

1. Giáo viên: Phấn màu, bảng phụ, thước thẳng, eeke, mô hình hình chóp, hình lăng trụ; SGK, SBT, các bài toán thực tế liên quan đến tính thể tích hình chóp đều.

2. Học sinh:

- Ôn tập lý thuyết tính thể tích hình lăng trụ ,diện tích tam giác, hình chữ nhật, định lí Pitago và làm các bài tập theo hướng dẫn của GV

- Thước thẳng, eke.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

1. Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số. (**1 phút**)

2. Nội dung:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung** |
| **A. Hoạt động 1: khởi động (2 phút)**  ***Mục tiêu:*** HS nhớ lại các công thức có liên quan đến nội dung bài học: định lí Pitago, thể tích hình lăng trụ…  ***Phương pháp:*** Vấn đáp | | |
| - Gv hỏi lại các công thức của định lí Pitago, công thức tính thể tích hình lăng trụ.. | - Hs trả lời. Các học sinh khác nhận xét. |  |
| **B. Hoạt động 2: hình thành kiến thức.**  **Hoạt động: Công thức tính thể tích. (12 phút)**  ***Mục tiêu***: Từ hoạt động thực hành hs tự rút ra công thức tính thể tích hình chóp đều  ***Phương pháp:*** Thực hành đong chất lỏng. | | |
| - GV: Sử dụng dụng cụ đựng nước hình lăng trụ đứng và hình chóp đều có các đáy là 2 đa giác có thể chồng khít lên nhau, chiều cao của 2 hình này bằng nhau để thực hành theo yêu cầu sgk?  -GV : Từ kết quả thực hành, hãy rút ra nhận xét?  -GV: Người ta chứng minh rằng công thức này đúng cho mọi hình chóp đều. | -Hai học sinh lên thực hành theo yêu cầu.  -HS: Thể tích hình lăng trụ đứng gấp ba lần thể tích hình chóp đều (có cùng chiều cao và diện tích đáy) | 1. Công thức tính thể tích:    (S là diện tích đáy; h là chiều cao) |
| **Hoạt động : Áp dụng (15 phút)**  Mục đích: Giúp học sinh áp dụng được công thức tính thể tích hình chóp vào bài toán cụ thể.  Phương pháp: Giải quyết vấn đề. | | |
| 1.  -Gv: hướng dẫn Hs vẽ hình.  -Gv: Để tính thể tích hình chóp đều này, ta cần tìm được yếu tố nào trước?  -GV: Diện tích tam giác ABC tính như thế nào?  GV gợi ý nếu Hs chưa nhìn thấy hướng tính ( nhận xét đặc điểm của ΔBHI, từ đó tìm được cách giải quyết vấn đề)  ? Gv hướng dẫn Hs thực hành vẽ hình theo chiều mũi tên đã chỉ.   * Vẽ đáy hình chóp * Xác định chân đường cao và vẽ đường cao. * Xác định đỉnh và vẽ toàn hình. | - HS : vẽ hình.  - HS :  - HS : lên bảng trình bày.  -2 HS lên bảng thực hành. | 2. Ví dụ:      Xét ΔBHI,ta có:  nên ΔBHI là nửa tam giác đều.  Mà BH = 6(cm) nên HI = 3(cm)  BI2 = BH2 – HI2 = 62 – 32  = 27.  BI = 3 (cm).  AI = AH + HI = 6 + 3  = 9(cm)  SABC =  AI. BC  =9.6  = 27(cm2)  Thể tích hình chóp đều:  V =  V 93,42 (cm3)   * CHÚ Ý: sgk/trang 123 |
| **C. Hoạt động :luyện tập (15 phút)**  ***Mục tiêu:*** Giúp học sinh sử dụng thành thạo công thức tính thể tích trong các bài toán thực tế.  ***Phương pháp***: Giải quyết vấn đề, thực hành luyện tập. | | |
| Gv: Đáy của hình chóp này là hình gì? Diện tích tính như thế nào?  -GV: muốn tính số vải bạt cần dùng thì ta cần tính được gì?  -GV: làm thế nào để tính được đường cao của các tam giác cân này?  -GV: Hướng dẫn Hs cách tìm cạnh tam giác cân | -HS: phát biểu  -Hs lên bảng trình bày bài làm.  -Hs: diện tích của các tam giác cân.  -Hs: cần tính được cạnh của tam giác cân.  -HS: trình bày bài làm | **Bài 44/SGK/123**     1. Thể tích không khí bên trong lều:     V ≈ 2,67m3   1. Ta có     ⇒ HC =  Xét ΔSHC vuông tại H, ta có:    Xét ΔSMC vuông tại M, ta có:    ⇒  Số vải bạt cần dùng:  4.≈ 8,96 m2. |
| **D. Hoạt động tìm tòi, mở rộng (1 phút)**  ***Mục tiêu:*** Học sinh chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học ở tiết học.  ***Phương pháp***: Luyện tập, ghi chép. | | |
| GV có thể đưa ra một bài toán thực tế hoặc 1 bài toán vận dụng cao để Hs luyện tập tại nhà. |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ngày soạn: …………… | Ngày dạy: …………… | Lớp: ……….. Tiết: …… |

**Tiết 66 LUYỆN TẬP**

**I. Mục tiêu:**

***Qua bài này giúp Hs:***

**1. Kiến thức**: Củng cố các kiến thức về hình chóp đều.

**2. Kỹ năng**: Gấp, dán hình chóp, vẽ hình chóp. Vận dụng các công thức vào bài tập. Rèn kĩ năng tính toán tìm diện tích, thể tích của hình chóp đều.

**3. Thái độ:** Tuân thủ rèn tính chính xác khi vẽ hình, tính diện tích, phân tích, tổng hợp, tư duy logic.

**4. Định hướng năng lực và phẩm chất:**

- Năng lực: Giúp học sinh phát huy năng lực tính toán, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực ngôn ngữ, năng lực tự học.

- Phẩm chất: Tự tin, tự chủ.

**II. Chuẩn bị:**

- Giáo viên: miếng bìa hình 134, bảng phụ, thước, compa, phấn màu

- Học sinh: miếng bìa, bảng nhóm, compa, bút chì.

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định ( 1 phút )**

**2. Kiểm tra bài cũ ( 7 phút )**

Viết công thức tính thể tích của hình chóp đều?

Sửa bài tập 67/ sbt

**3. Bài mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** | **NỘI DUNG** |
| **A. Hoạt động khởi động ( 5 phút )**  **- Mục tiêu :** Tạo hứng thú cho học sinh**.** Rèn hs kĩ năng thực hành, gấp hình  **- Phương pháp** : Thực hành, quan sát  **- Hình thức tổ chức**: Hoạt động nhóm  **- Sản phẩm:** Hs biết gấp dán hình chóp đều, nhìn thấy được hình ảnh thực tế của hình chóp đều. | | |
| **Bài 47**  Gv yêu cầu hs hoạt động nhóm, cắt dán miếng bìa theo hình 134/sgk  Gv nhận xét. | Hs hoạt động theo nhóm  Đại diện nhóm trình bày sản phẩm. | **Bài 47** :  Miếng 4 khi gấp và dán chập 2 tam giác vào nhau thì được các mặt bên của hình chóp đều. |
| **B. Hoạt động luyện tập ( 25 phút )**  **- Mục tiêu:** Củng cố các kiến thức về hình chóp đều, vận dụng các kiến thức tính diện tích, thể tích vào các bài toán cụ thể.  **- Giao nhiệm vụ**: Các bài tập trên bảng phụ  **- Các hình thức tổ chức hoạt động**: hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm.  **- Sản phẩm**: Học sinh vận dụng tốt các kiến thức vào bài tập. Làm tốt các bài tập. | | |
| **Hoạt động 1**  Treo bảng phụ bài 1( bài 46/sgk)  a/ Tính diện tích đáy và thể tích hình chóp đều.  Gv: Bài toán cho biết gì? Yêu cầu tính gì?  Gv: Diện tích đáy có quan hệ gì với diện tích của tam giác MNH?  Gv: Nêu cách tính SHMN ?  Gv: Nêu công thức tính thể tích hình chóp đều?  Gv: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của hs, nhận xét bài.  b/ Tính độ dài cạnh bên SM và diện tích toàn phần của hình chóp đều?  Gv: Vận dụng kiến thức nào tính độ dài cạnh SM?  Gv: Xét tam giác nào? Cách tính?  Gv: Công thức tính diện tích toàn phần hình chóp đều?  Gv hướng dẫn hs phân tích bài toán  Gv: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của hs, nhận xét bài. Chốt kiến thức.  **Hoạt động 2**  Treo bảng phụ bài 2 ( bài 49/sgk)  Gv: Đề bài yêu cầu tìm gì?  Gv: cho hs hoạt động nhóm. Chia lớp thành 2 nhóm: nhóm 1 câu a,b, nhóm 2 câu c  Gv nhận xét bài làm Hs | Hs đọc đề bài  Hs trả lời  S đáy = 6.SHMN  Hs trả lời  Hs lên bảng thực hiện  Hs trả lời: định lí Pytago  Hs trả lời  Hs trả lời  Hs lắng nghe và tập phân tích.  Hs lên bảng thực hiện  Hs đọc đề bài  Hs trả lời  Hs hoạt động theo nhóm  Hs thảo luận báo cáo kết quả và trình bày phần bài giải trên bảng nhóm. | **Bài1**  ***a/ Tính diện tích đáy và thể tích hình chóp đều.***    S đáy = 6.SHMN = cm2  V =  Sđáy. h = cm3  ***b/ Tính SM và diện tích toàn phần hình chóp đều?***  \* Tính SM?  Tam giác SMH vuông tại H:    Tính được SM = 37cm  \* Diện tích toàn phần?  Tam giác SKP vuông tại K có SP = SM = 37cm  KP =  PQ = 6cm  SK = cm  Sxq = pd = 1314,4cm2 Stp = 1314,4 + 374,1  = 1688,5 cm2  **Bài 2** :  a)Diện tích xung quanh của hình chóp đều :  Sxq = (6 .4) :2 .10 = 120(cm2)  b) Diện tích xung quanh của hình chóp đều :  Sxq = ( 7,5 + 7,5) . 9,5  = 142,5 (cm2) .  c) Diện tích xung quanh của hình chóp đều :  Trung đoạn của hình chóp đều : d =  = =  = 15(cm)  Vậy :  Sxq = (16 .4) :2 .15 = 480(cm2) |
| **C. Hoạt động vận dụng ( 5 phút )**  **- Mục tiêu:** Hs biết cách tính diện tích xung quanh của hình chóp cụt  **- Giao nhiệm vụ**: Bài tập 50b/sgk  **- Các hình thức tổ chức hoạt động**: hoạt động nhóm | | |
| Gv yêu cầu hs làm bài 50b/sgk theo nhóm, chia lớp thành 4 nhóm và trả lời các câu hỏi sau:  Các mặt xung quanh của hình chóp cụt là hình gì?  Nêu cách tính diện tích hình thang cân? | Hs trình bày bài trong bảng nhóm, đại diện nhóm thuyết trình bài làm, các thành viên khác chú ý nhận xét.  Các mặt bên là hình thang cân.  Hs trả lời. | **Bài 50**  Các mặt xung quanh của hình chóp cụt là các hình thang cân  DT một hình thang cân là :  (2+4).3,5:2=10,5cm2 DTXQ của hình chóp cụt : 10,5. 4 = 42 cm2 |
| **D. Hoạt động tìm tòi và mở rộng ( 2 phút )**  **Mục tiêu**: Hs chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học.  Hs chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu tri thức sẽ học trong buổi sau. | | |
| Về nhà đọc lại các bài tập đã sửa.  Làm các câu hỏi ôn tập chương.  Bài tập: 52, 55, 57/ sgk  Hướng dẫn bài 57/sgk  2016-03-31_113359  a) H147 : Chiều cao của tam giác đều BCD cạnh 10 cm là:   DH=≈8,65(cm)  Diện tích đáy của hình chóp:   S=12.BC.DH=12.10.8,65=43,25(cm2)  Thể tích hình chóp đều:   V=13.S.h=13.43,25.20=288,33(cm3)  b) Hình 148  Thể tích của hình chóp cụt đều chính là hiệu của thể tích hình chóp đều L.ABCD với thể tích của hình chóp đều L.EFGH. Do có: LO = LM + MO = 15 + 15 = 30 (cm)  +Tính thể tích hình chóp đều L.ABCD:  -Diện tích đáy: S = AB2 = 202 = 400 (cm2)  -Thể tích : V=13Sh=13.400.30=4000(cm3)  +Thể tích hình chóp đều L.EFGH:  -Diện tích đáy: S = EF2 = 102 = 100 (cm2)  -Thể tích:V=13Sh=13.100.15=500(cm3)  Vậy thể tích hình chóp cụt đều là:  V = 4000 – 500 = 3500 (cm3) | | |

**Rút kinh nghiệm:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ngày soạn: …………… | Ngày dạy: …………… | Lớp: ……….. Tiết: …… |

**Tiết 67: ÔN TẬP CHƯƠNG IV**

**I. MỤC TIÊU**

Qua bài này giúp học sinh:

**1. Kiến thức:** Ôn lại các kiến thức cơ bản đã học và hiểu được các hình đã học trong chương trình hình lăng trụ đứng, hình chóp đều.

**2. Kỹ năng:** Vận dụng được các kiến thức trên vào việc giải các bài tập.

* Biết cách tính diện tích và thể tích của một số hình đã học và một số dạng toán cơ bản trong chương này.
* Biết cách tính diện tích xung quanh và thể tích một số hình có dạng hình chóp và hình lăng trụ được học trong chương này.

**3. Thái độ:** Rèn kĩ năng tính toán cẩn thận trong cách vẽ hình, đúng, nhanh, trình bày khoa học.

**4. Định hướng năng lực, phẩm chất**

***- Năng lực:*** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực ngôn ngữ, năng lực tự học.

***- Phẩm chất:*** Tự tin, tự chủ.

**II. CHUẨN BỊ**

1. *Giáo viên*: Phấn màu, bảng phụ, thước thẳng, SGK, SBT,bảng phụ.

2. *Học sinh*: Đồ dùng học tập, xem nội dung các bài tập trước ở nhà.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

1. *Ổn định lớp*: Kiểm tra sĩ số. (1 phút)

2. *Nội dung*:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung** |
| **A. Hoạt động khởi động** (2 phút)  ***Mục tiêu:*** HS có các đồ dùng học tập cần thiết phục vụ môn học và ôn lại kiến thức về nội dung chương IV.  ***Phương pháp:*** Thuyết trình, trực quan. | | |
| - Kiểm tra đồ dùng học tập và sự chuẩn bị kiến thức của học sinh thông qua việc tóm tắt nội dung trong vở ở nhà. |  |  |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức.**  **Hoạt động: Nhắc lại lý thuyết.** (5 phút)  ***Mục tiêu***: Giúp học sinh nhớ lại các kiến thức cơ bản về lăng trụ đứng, hình chóp đều.  ***Phương pháp:*** Vấn đáp gợi mở. | | |
| GV treo bảng phụ lên bảng cho HS quan sát.  GV yêu cầu HS trả lời lần lượt các câu hỏi ở phần nội dung. | HS lần lượt lên bảng hoặc đứng tại chỗ trả lời. | * Hình hộp chữ nhật là hình như thế nào? Nêu công thức tính thể tích của hình hộp chữ nhật? * Hình lập phương là hình như thế nào? Nêu công thức tính thể tích của hình lập phương? * Nêu một số tính chất của hình lăng trụ đứng. Nêu công thức tính diện tích xung quanh và thể tích của hình lăng trụ đứng. * Nêu một số tính chất của hình chóp đều. Nêu công thức tính diện tích xung quanh và thể tích của hình chóp đều. |
| **C. Hoạt động luyện tập** (25 phút)  Mục đích: Giúp học sinh áp dụng được công thức và các tính chất để giải bài toán cơ bản.  Phương pháp: Giải quyết vấn đề. | | |
| * GV ghi đề bài bài tập 1 lên bảng. * GV hướng dẫn và gọi HS lên bảng trình bày bài giải. * GV yêu cầu HS khác nhận xét kết quả. * GV nhận xét, cho kết quả để HS ghi nhận và cho điểm (nếu cần). * GV ghi đề bài bài tập 2 lên bảng. * GV hướng dẫn và gọi 2 HS lên bảng trình bày bài giải. * GV yêu cầu HS khác nhận xét kết quả. * GV nhận xét, cho kết quả để HS ghi nhận và cho điểm (nếu cần). * GV ghi đề bài bài tập 3 lên bảng. * GV hướng dẫn và gọi 2 HS lên bảng trình bày bài giải. * GV yêu cầu HS khác nhận xét kết quả. * GV nhận xét, cho kết quả để HS ghi nhận và cho điểm (nếu cần). | * HS lắng nghe và ghi bài vào vở. * HS chú ý nghe hướng dẫn và suy nghĩ tìm hướng giải quyết. * HS nhận xét kết quả. * HS nghiêm túc lắng nghe và ghi nhận kết quả vào vở. * HS lắng nghe và ghi bài vào vở. * HS chú ý nghe hướng dẫn và suy nghĩ tìm hướng giải quyết. * HS nhận xét kết quả. * HS nghiêm túc lắng nghe và ghi nhận kết quả vào vở. * HS lắng nghe và ghi bài vào vở. * HS chú ý nghe hướng dẫn và suy nghĩ tìm hướng giải quyết. * HS nhận xét kết quả. * HS nghiêm túc lắng nghe và ghi nhận kết quả vào vở. | **BT1**: Cho hình chóp tứ giác đều S.ABCD có cạnh đáy bằng 8cm, đường cao . Tính thể tích, diện tích xung quanhvà diện tích toàn phần của hình chóp.  **BT2**: Một hộp kẹo có dạng hình hộp chữ nhật với các kích thước 15cm, 40cm và 60cm.  a) Tính thể tích của hộp kẹo.  b) Tính diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của hộp kẹo.  **BT3**: Một lăng kính dạng hình lăng trụ đứng có đáy là tam giác vuông. Chiều cao của lăng kính là 36cm, đáy của lăng kính là tam giác vuông có hai cạnh góc vuông lần lượt là 12cm và 16cm.  a) Tính thể tích của lăng kính.  b) Tính diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của lăng kính. |
| **D. Hoạt động vận dụng** (10 phút)  ***Mục tiêu:*** Giúp học sinh sử dụng thành thạo công thức và các tính chất để giải các dạng toán khác nhau.  ***Phương pháp***: Giải quyết vấn đề, thực hành luyện tập. | | |
| * GV ghi đề bài bài tập 3 lên bảng. * GV hướng dẫn và HS thảo luận nhóm để tìm hướng giải quyết bài toán. * GV yêu cầu HS khác nhận xét kết quả. * GV nhận xét, cho kết quả để HS ghi nhận và cho điểm (nếu cần). | * HS lắng nghe và ghi bài vào vở. * HS chú ý nghe hướng dẫn và hợp tác nhóm suy nghĩ tìm hướng giải quyết. * HS nhận xét kết quả. * HS nghiêm túc lắng nghe và ghi nhận kết quả vào vở. | **BT4**: Một viên gạch hình lục lăng có hình dạng một lăng trụ đứng với đáy là lục giác đều. Cạnh của lục giác đều là 120mm. Chiều cao của gạch là 60mm. Tính diện tích xung quanh của gạch lục lăng. |
| **E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng** (2 phút)  ***Mục tiêu:*** Học sinh chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học ở tiết học.  ***Phương pháp***: Luyện tập, ghi chép. | | |
| GV cho HS chép đề bài bài toán 5 vào vở và yêu cầu HS về nhà suy nghĩ và làm.  GV dạn HS: Về nhà đọc lại bài học và chuẩn bị phần nội dung cho tiết ôn tập cuối năm. | HS chú ý lắng nghe và thực hiện nhiệm vụ của mình. | **BT5**: Một khúc gỗ có dạng hình lăng trụ đứng, đáy là hình thoi. Hai đường chéo của hình thoi có độ dài là 6dm và 8dm. Chiều cao của khúc gỗ là 9dm.  a) Tính thể tích của khúc gỗ.  b) Biết mỗi khối gỗ giá 2 triệu đồng. Hỏi khúc gỗ có giá trị bao nhiêu tiền?  c) Tính diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của khúc gỗ.  d) Cần bao nhiêu tiền để sơn tất cả các mặt của khúc gỗ này, biết giá sơn 1 mét vuông là 115 nghìn đồng (tính cả tiền công và tiền sơn). |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ngày soạn: …………… | Ngày dạy: …………… | Lớp: ……… Tiết: ……. |

**Tiết 37: ÔN TẬP CUỐI NĂM**

*(Phần Hình học)*

**I. MỤC TIÊU**

Qua bài này giúp học sinh:

**1. Kiến thức:** Ôn lại các kiến thức cơ bản đã học về:

* Tứ giác và các hình tứ giác đặc biệt: hình thang, hình bình hành, hình chữ nhật, hình thoi, hình vuông.
* Tam giác đồng dạng.
* Hình lăng trụ đứng và hình chóp đều.

**2. Kỹ năng:** Vận dụng được các kiến thức trên vào việc giải các bài tập:

* Biết tính chất của các tứ giác đặc biệt.
* Biết định lý Ta-lét và các trường hợp đồng dạng của hai tam giác.
* Biết công thức tính thể tích, diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của lăng trụ đứng và hình chóp đều.
* Biết tính thể tích và diện tích của một số hình có dạng tứ giác, hình chóp và hình lăng trụ đặc biệt.

**3. Thái độ:** Rèn kĩ năng tính toán cẩn thận, đúng, nhanh, trình bày khoa học.

**4. Định hướng năng lực, phẩm chất**

***- Năng lực:*** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực ngôn ngữ, năng lực tự học.

***- Phẩm chất:*** Tự tin, tự chủ.

**II. CHUẨN BỊ**

1. *Giáo viên*: Phấn màu, bảng phụ, thước thẳng, SGK, SBT, bảng phụ.

2. *Học sinh*: Đồ dùng học tập, chuẩn bị các bài tập đã dặn ở nhà.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

1. *Ổn định lớp*: Kiểm tra sĩ số. (1 phút)

2. *Nội dung*:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung** |
| **A. Hoạt động khởi động** (2 phút)  ***Mục tiêu:*** HS có các đồ dùng học tập cần thiết phục vụ môn học và ôn lại kiến thức về các nội dung đã học để ôn tập cuối năm đạt kết quả.  ***Phương pháp:*** Thuyết trình, trực quan. | | |
| - Kiểm tra đồ dùng học tập và sự chuẩn bị kiến thức của học sinh thông qua việc chuẩn bị giải các bài tập ở nhà. |  |  |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức.**  **Hoạt động:** Nhắc lại lý thuyết. (5 phút)  ***Mục tiêu***: Giúp học sinh nhớ lại các kiến thức cơ bản về tứ giác; tam giác đồng dạng và hình lăng trụ đứng, hình chóp đều.  ***Phương pháp:*** Vấn đáp gợi mở. | | |
| GV yêu cầu HS xem và đọc nội dung câu hỏi 2 và 3 SGK trang 126.  GV gọi lần lượt HS trả lời các câu hỏi đó. | HS lần lượt đứng tại chỗ trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV. | **Câu 2**:  a) Hình lập phương có mấy mặt, mấy cạnh, mấy đỉnh? Mỗi mặt là hình gì?  b) Hình hộp chữ nhật có mấy mặt, mấy cạnh, mấy đỉnh? Mỗi mặt là hình gì?  c) Hình lăng trụ đứng tam giác có mấy mặt, mấy cạnh, mấy đỉnh?  **Câu 3**: Hãy gọi tên các hình vẽ 138, 139, 140 SGK trang 126. |
| **C. Hoạt động luyện tập** (25 phút)  Mục đích: Giúp học sinh áp dụng được công thức và các tính chất để giải bài toán cơ bản.  Phương pháp: Giải quyết vấn đề. | | |
| * GV ghi đề bài bài tập 1 lên bảng. * GV hướng dẫn và gọi HS lên bảng trình bày bài giải. * GV yêu cầu HS khác nhận xét kết quả (nếu có). * GV nhận xét, cho kết quả để HS ghi nhận và cho điểm (nếu cần). * GV ghi đề bài bài tập 2 lên bảng. * GV hướng dẫn và gọi HS lên bảng trình bày bài giải. * GV yêu cầu HS khác nhận xét kết quả (nếu có). * GV nhận xét, cho kết quả để HS ghi nhận và cho điểm (nếu cần). * GV ghi đề bài bài tập 3 lên bảng. * GV hướng dẫn và gọi HS lên bảng trình bày bài giải. * GV yêu cầu HS khác nhận xét kết quả (nếu có). * GV nhận xét, cho kết quả để HS ghi nhận và cho điểm (nếu cần). * GV ghi đề bài bài tập 4 lên bảng. * GV hướng dẫn và gọi HS lên bảng trình bày bài giải. * GV yêu cầu HS khác nhận xét kết quả (nếu có). * GV nhận xét, cho kết quả để HS ghi nhận và cho điểm (nếu cần). | * HS lắng nghe và ghi bài vào vở. * HS chú ý nghe hướng dẫn và suy nghĩ tìm hướng giải quyết. * HS nhận xét kết quả. * HS nghiêm túc lắng nghe và ghi nhận kết quả vào vở. * HS lắng nghe và ghi bài vào vở. * HS chú ý nghe hướng dẫn và suy nghĩ tìm hướng giải quyết. * HS nhận xét kết quả. * HS nghiêm túc lắng nghe và ghi nhận kết quả vào vở. * HS lắng nghe và ghi bài vào vở. * HS chú ý nghe hướng dẫn và suy nghĩ tìm hướng giải quyết. * HS nhận xét kết quả. * HS nghiêm túc lắng nghe và ghi nhận kết quả vào vở. * HS lắng nghe và ghi bài vào vở. * HS chú ý nghe hướng dẫn và suy nghĩ tìm hướng giải quyết. * HS nhận xét kết quả. * HS nghiêm túc lắng nghe và ghi nhận kết quả vào vở. | **BT1**: Một miếng bìa hình chữ nhật có đường chéo là 1m và một cạnh là 6dm. Tính diện tích của miếng bìa.  **BT2**: Một mảnh giấy có dạng hình thoi có hai đường chéo là 12cm và 16cm. Tính diện tích của mảnh giấy này.  **BT3**: Một hộp đựng thực phẩm có dạng hình lập phương và có diện tích toàn phần bằng 96. Tính thể tích của hộp.  **BT4**: Một hộp đựng chất lỏng có dạng hình chóp tứ giác đều với đường cao là 20cm và đường chéo của mặt đáy là . Tỉnh thể tích của dụng cụ. |
| **D. Hoạt động vận dụng** (10 phút)  ***Mục tiêu:*** Giúp học sinh sử dụng thành thạo công thức và các tính chất để giải các dạng toán khác nhau.  ***Phương pháp***: Giải quyết vấn đề, thực hành luyện tập. | | |
| * GV ghi đề bài bài tập 5 lên bảng. * GV hướng dẫn và gọi HS lên bảng trình bày bài giải. * GV yêu cầu HS khác nhận xét kết quả (nếu có). * GV nhận xét, cho kết quả để HS ghi nhận và cho điểm (nếu cần). | * HS lắng nghe và ghi bài vào vở. * HS chú ý nghe hướng dẫn và suy nghĩ tìm hướng giải quyết. * HS nhận xét kết quả. * HS nghiêm túc lắng nghe và ghi nhận kết quả vào vở. | **BT5**: (BT11 SGK trang 132) Cho hình chóp tứ giác đều S.ABCD có cạnh đáy , cạnh bên .  a) Tính chiều cao SO rồi tính thể tích của hình chóp.  b) Tính diện tích toàn phần của hình chóp. |
| **E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng** (2 phút)  ***Mục tiêu:*** Học sinh chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học ở tiết học.  ***Phương pháp***: Luyện tập, ghi chép. | | |
| GV dặn HS về nhà đọc lại bài tập đã giải ở trên. Vấn đề nào còn vướng mắt thì hỏi lại bạn bè, nếu bạn bè trả lời không được thì hỏi thầy cô để chuẩn bị cho bài kiểm tra cuối năm đạt kết quả cao nhất.  GV dặn: các em về nhà tính thể tích nền nhà của mình. Sau đó đối chiếu với cha mẹ xem cách tính của mình đúng không? Bằng cách hỏi cha mẹ hồi đó làm nhà cha mẹ đổ bao nhiêu khối cát để xây xong nền nhà. | HS chú ý lắng nghe và xem lại các bài giải. Nếu có chỗ chưa hiểu thì hỏi ngay.  HS chú ý quan sát, lắng nghe nhiệm vụ và về nhà thực hiện. | Nền nhà của em có dạng hình hộp chữ nhật hoặc là hợp thể của nhiều hình hộp chữ nhật. Em hãy tính thể tích của nền nhà để biết cha mẹ em đã đổ bao nhiêu khối cát để lấp nền nhà đó nhé. |

**Giáo viên soạn**